

Họ và tên: Số báo danh:

Mã đề 121

Câu 1. Quốc gia nào được mệnh danh là “Lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc Mỹ Latinh” sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Cu-ba B. Ác-hen-ti-na C. Mê-hi-cô D. Bra-xin

Câu 2. Đầu là mặt hạn chế của xu thế toàn cầu hóa?

- A. Thúc đẩy sự phát triển và xã hội hóa của lực lượng sản xuất.
B. Đặt ra yêu cầu cải cách đề nâng cao sức cạnh tranh
C. Nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.
D. Cơ cấu kinh tế các nước có sự biến chuyển.

Câu 3. Từ năm 1950 đến 1973, bên cạnh việc cố gắng đa dạng hóa, đa phương hóa, các nước tư bản Tây Âu vẫn tiếp tục chủ trương gì?

- A. Liên minh với các nước Đông Âu. B. Hợp tác với Liên Xô.
C. Mở rộng hợp tác với các nước Đông Bắc Á. D. Liên minh chặt chẽ với Mỹ.

Câu 4. Năm 1945, quốc gia nào ở khu vực Đông Nam Á tuyên bố độc lập sớm nhất?

- A. Việt Nam B. Indonesia C. Lào D. Philippine

Câu 5. Điểm trùng đồng về nguyên nhân phát triển kinh tế Mỹ và Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Chi phí cho quốc phòng thấp.
B. Áp dụng thành tựu khoa học – kỹ thuật vào trong sản xuất.
C. Quân sự hoá nền kinh tế.
D. Hợp tác có hiệu quả trong các tổ chức khu vực.

Câu 6. Kinh tế Nhật Bản phát triển “thần kì” trong giai đoạn nào?

- A. từ năm 1960 đến năm 1973. B. từ năm 1991 đến năm 2000.
C. từ năm 1973 đến năm 1991. D. từ năm 1952 đến năm 1960.

Câu 7. Sự kiện Nê-xơn Măng-đê-la trở thành tổng thống Nam Phi (1994) có ý nghĩa như thế nào?

- A. Đánh dấu sự chấm dứt của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở châu Phi.
B. Đánh dấu sự thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
C. Đánh dấu sự bình đẳng của các dân tộc, màu da trên thế giới.
D. Đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới.

Câu 8. Dấu hiệu nào sau đây chứng tỏ Nhật Bản là siêu cường tài chính số 1 thế giới trong nửa sau những năm 80 của thế kỉ XX?

- A. Trở thành chủ nợ lớn nhất thế giới, dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 1,5 lần Cộng hòa Dân chủ Đức, gấp 3 lần của Mỹ.
B. Trở thành chủ nợ của thế giới, dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 2,5 lần Cộng hòa Liên bang Đức, gấp 3 lần của Mỹ.
C. Dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 2 lần Mỹ, gấp 1,5 lần Cộng hòa Liên bang Đức, là chủ nợ của thế giới.
D. Dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần của Mỹ, gấp 1,5 lần Cộng hòa Liên bang Đức, là chủ nợ lớn nhất thế giới.

Câu 9. Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở châu Phi được xếp vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc vì

- A. chế độ phân biệt chủng tộc là một hình thái của chủ nghĩa thực dân.
B. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc có quan hệ mật thiết với chủ nghĩa thực dân.
C. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc là con đẻ của chủ nghĩa thực dân.
D. chế độ phân biệt chủng tộc do thực dân xây dựng và nuôi dưỡng.

Câu 10. Ý nào sau đây phản ánh đúng tình hình khoa học - kỹ thuật Mỹ trong những năm 90 của thế kỉ XX?

- A. chiếm ½ số lượng bản quyền phát minh sáng chế trên thế giới.
B. chiếm toàn bộ phát minh sáng chế trên thế giới.

C. nắm độc quyền phát minh sáng chế trên thế giới.

D. chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế trên thế giới.

Câu 11. Biến đổi quan trọng nhất của khu vực Đông Nam Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay là gì?

A. Trở thành một khu vực hòa bình, hợp tác, hữu nghị.

B. Lần lượt các nước đã trở thành các quốc gia độc lập, tự chủ.

C. Đạt nhiều thành tựu trong công cuộc xây dựng đất nước.

D. Hợp tác khu vực ngày càng được mở rộng và đẩy mạnh.

Câu 12. Vì sao nói Hội nghị cấp cao ở Bali (2 – 1976, Indonesia) đã đánh dấu sự khởi sắc của tổ chức ASEAN?

A. Vì các nước hợp tác có hiệu quả về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

B. Vì ASEAN chủ trương mở rộng kết nạp thêm các thành viên.

C. Vì các nước trong tổ chức đã kí Hiệp ước thân thiện và hợp tác.

D. Vì quan hệ giữa Đông Dương và ASEAN đã có sự thay đổi.

Câu 13. Nguyên nhân cơ bản nhất đưa nền kinh tế Nhật Bản phát triển “thần kì” trong những năm 60 – 70 của thế kỷ XX là gì?

A. nhờ những cải cách dân chủ đã thực hiện trong những năm 1945 – 1952.

B. biết áp dụng khoa học – kĩ thuật để tăng năng suất, cải tiến kĩ thuật và hạ giá thành hàng hóa.

C. biết “lén lách” xâm nhập thị trường các nước đang phát triển.

D. biết lợi dụng vốn của nước ngoài để đầu tư vào những ngành công nghiệp then chốt.

Câu 14. Vì sao nói “Liên minh Châu Âu là tổ chức liên kết khu vực lớn nhất hành tinh”?

A. Kết nạp tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị.

B. Quan hệ với hầu hết các quốc gia trên thế giới.

C. Số lượng thành viên nhiều.

D. Chiếm khoảng ¼ GDP của toàn thế giới.

Câu 15. Mốc đánh dấu bước chuyển từ Cộng đồng châu Âu (EC) sang Liên minh châu Âu (EU) là gì?

A. Đồng tiền Euro được phát hành (1999).

B. Các nước thành viên kí Định ước Helsinki (1975).

C. Kết nạp thêm 10 nước Đông Âu.

D. Các nước thành viên kí Hiệp ước Maastricht (1991).

Câu 16. Nội dung nào phản ánh tình hình kinh tế Tây Âu trong những năm 1945 – 1950?

A. Kinh tế được phục hồi và đạt nước trước chiến tranh.

B. Kinh tế lâm vào khủng hoảng trầm trọng.

C. Kinh tế tăng trưởng nhanh chóng.

D. Kinh tế tăng trưởng xen kẽ với khủng hoảng.

Câu 17. Xu thế toàn cầu hóa là hệ quả của

A. sự ra đời các công ty xuyên quốc gia.

B. sự phát triển của quan hệ thương mại quốc tế.

C. quá trình thống nhất thị trường thế giới.

D. cuộc cách mạng khoa học – công nghệ.

Câu 18. Bản chất của toàn cầu hóa là gì?

A. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

B. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại tài chính quốc tế.

C. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.

D. Sự tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, tác động phụ thuộc lẫn nhau của các khu vực, các quốc gia, dân tộc trên thế giới.

Câu 19. Tình hình kinh tế Mỹ trong thập niên 80 của thế kỷ XX như thế nào?

A. Đã được phục hồi và phát triển với tốc độ cao hơn bao giờ hết.

B. Dù vẫn có những đợt suy thoái ngắn nhưng vẫn chiếm gần 40% tổng sản phẩm kinh tế toàn cầu.

C. Tiếp tục suy giảm so với thập niên 70.

D. Đã phục hồi và phát triển trở lại nhưng tỉ trọng trong nền kinh tế thế giới đã giảm sút nhiều.

Câu 20. Điểm khác biệt của Nhật Bản so với Mỹ trong phát triển khoa học – kĩ thuật là gì?

A. Coi trọng và đầu tư cho các phát minh.

- B. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng.
- C. Đầu tư bán quân trang, quân dụng.
- D. Chú trọng xây dựng các công trình giao thông.

Câu 21. Cuộc đấu tranh chống thực dân Anh, đòi độc lập dân tộc của nhân dân Ấn Độ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng nào?

- A. Quốc dân đảng.
- B. Đảng Quốc đại.
- C. Đảng Cộng sản.
- D. Đảng Dân chủ.

Câu 22. Yếu tố nào làm thay đổi chính sách đối nội và đối ngoại của nước Mỹ khi bước sang thế kỉ XXI?

- A. Chủ nghĩa li khai.
- B. Chủ nghĩa khủng bố.
- C. Sự suy thoái về kinh tế
- D. Xung đột sắc tộc, tôn giáo.

Câu 23. Yếu tố nào dưới đây không phải là lí do khiến nền kinh tế của các nước Tây Âu phát triển nhanh chóng trong những năm 1950 – 1973?

- A. Ngân sách cho quốc phòng thấp, chủ yếu đầu tư cho phát triển kinh tế.
- B. Áp dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật.
- C. Nhà nước có vai trò rất to lớn trong quản lý, điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế.
- D. Tận dụng tốt các cơ hội từ bên ngoài để phát triển và hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ Cộng đồng châu Âu.

Câu 24. Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học công nghệ là gì?

- A. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ một số lĩnh vực quan trọng.
- B. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
- C. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn.
- D. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

Câu 25. Ngoài liên minh chặt chẽ với Mỹ, Nhật Bản vẫn coi trọng quan hệ với Tây Âu và chú trọng phát triển quan hệ với các quốc gia ở khu vực nào?

- A. Đông Bắc Á.
- B. Mỹ Latinh.
- C. Đông Nam Á.
- D. Nam Á.

Câu 26. Kết quả to lớn trong cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân Mỹ Latinh đạt được trong những năm 60 – 80 của thế kỉ XX là gì?

- A. Chính quyền độc tài (thân Mỹ) ở nhiều nước bị lật đổ, nền dân chủ được thành lập
- B. Các nước Mỹ Latinh vươn lên trở thành nước công nghiệp mới.
- C. Nhiều nước Mỹ Latinh sau khi giành được độc lập đã thoát nghèo, phát triển nhanh.
- D. Nhiều nước đã thoát khỏi “sân sau” của Mỹ và Tây Ban Nha.

Câu 27. Năm 1960, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi giành được thắng lợi nào sau đây?

- A. Có 17 nước ở châu Phi được trao trả độc lập.
- B. Nước Cộng hòa Dim-ba-buê ra đời.
- C. Tất cả các nước châu Phi giành được độc lập.
- D. Chế độ phân biệt chủng tộc bị xóa bỏ.

Câu 28. Sau cuộc Tổng tuyển cử tháng 9 – 1993, Quốc hội mới của Campuchia đã tuyên bố thành lập

- A. nước Cộng hòa Campuchia.
- B. nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Campuchia.
- C. Vương quốc Campuchia.
- D. nước Campuchia dân chủ.

Câu 29. Biểu hiện nào dưới đây không phải là xu thế toàn cầu hóa?

- A. Sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.
- B. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
- C. Sự ra đời của các ngân hàng lớn trên thế giới.
- D. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia

Câu 30. Quốc gia nào mở đầu phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân của nhân dân châu Phi trong những năm 50 của thế kỉ XX?

- A. Ai Cập.
- B. Xuđăng.
- C. Môđambích.
- D. Maroc.

Câu 31. Cơ sở quyết định để Mỹ triển khai chiến lược toàn cầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. sự suy yếu của các nước tư bản Tây Âu và sự lớn mạnh của Liên Xô.
- B. sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

C. sự ủng hộ của các nước tư bản đồng minh đã bị Mĩ không chế

D. tiềm lực kinh tế và quân sự của to lớn của Mĩ

Câu 32. Từ đầu năm 90 của thế kỉ XX, nền kinh tế Nhật Bản như thế nào?

A. Tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao.

B. Lậm vào tình trạng suy thoái.

C. Bị cạnh tranh gay gắt bởi các nước công nghiệp mới.

D. Là nước có nền kinh tế phát triển nhất.

Câu 33. Nội dung nào được coi là thời cơ lịch sử do xu thế toàn cầu hóa đem lại cho tất cả các quốc gia trên thế giới?

A. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính ở các khu vực.

B. Quá trình liên kết khu vực, hợp tác giữa các nước đang được đẩy mạnh.

C. Nguồn vốn đầu tư, kĩ thuật công nghệ và kinh nghiệm quản lí từ bên ngoài.

D. Hòa bình, ổn định tạo nên sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

Câu 34. Cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân Campuchia diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. 1954 – 1970.

B. 1954 – 1979.

C. 1970 – 1975.

D. 1954 – 1975.

Câu 35. Tại sao từ năm 1973 đến năm 1991, nền kinh tế Tây Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng và suy thoái?

A. Tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới bắt đầu từ năm 1973.

B. Các nước Tây Âu mất hết thuộc địa ở châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ Latinh.

C. Bị bao vây bởi sự lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

D. Chịu tác động từ khủng hoảng của nước Mĩ và Nhật Bản.

Câu 36. Đây là điều kiện khách quan thuận lợi đối với cuộc đấu tranh giành độc lập các nước Đông Nam Á vào giữa tháng 8 – 1945?

A. Quân Đồng minh đánh thắng phát xít Đức.

B. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh.

C. Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.

D. Quân Đồng minh tiến công mạnh mẽ vào các vị trí của quân đội Nhật.

Câu 37. Nội dung nào sau đây không nằm trong chiến lược “Cam kết và mở rộng” của Tổng thống Mĩ B.Clin-تون?

A. Tăng cường phát triển khoa học – kĩ thuật quân sự, bảo đảm tính hiện đại về vũ trang.

B. Sử dụng khẩu hiệu “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào nội bộ của nước khác.

C. Tăng cường khôi phục, phát triển tính năng động và sức mạnh kinh tế Mĩ.

D. Bảo đảm an ninh với một lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.

Câu 38. Nội dung nào không phản ánh biện pháp của Chính phủ Nhật Bản nhằm thúc đẩy sự phát triển khoa học – kĩ thuật?

A. Nhập kĩ thuật hiện đại, phương pháp sản xuất tiên tiến của nước ngoài.

B. Tận dụng chiến tranh để buôn bán vũ khí.

C. Đầu tư lớn cho việc xây dựng các viện nghiên cứu.

D. Coi trọng giáo dục vì “con người là công nghệ cao nhất”.

Câu 39. Do đâu chất lượng cuộc sống của con người được nâng cao?

A. Do học hỏi các nước phát triển.

B. Do tác động của tiến bộ kĩ thuật.

C. Do tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ.

D. Do áp dụng khoa học kĩ thuật.

Câu 40. Nguyên nhân chính nào sau đây khiến kinh tế Mĩ lâm vào khủng hoảng và suy thoái trong những năm 1973 – 1982?

A. tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới 1973.

B. khủng hoảng tiền tệ trong hệ thống chủ nghĩa tư bản.

C. chi phí nhiều cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

D. tăng cường chạy đua vũ trang với Liên Xô.

- HẾT -

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

Họ và tên: Số báo danh:

Mã đề 122

Câu 1. Cơ sở quyết định để Mỹ triển khai chiến lược toàn cầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. tiềm lực kinh tế và quân sự của to lớn của Mỹ
- B. sự ủng hộ của các nước tư bản đồng minh đã bị Mỹ không chế
- C. sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.
- D. sự suy yếu của các nước tư bản Tây Âu và sự lớn mạnh của Liên Xô.

Câu 2. Nội dung nào không phản ánh biện pháp của Chính phủ Nhật Bản nhằm thúc đẩy sự phát triển khoa học – kĩ thuật?

- A. Tận dụng chiến tranh để buôn bán vũ khí.
- B. Đầu tư lớn cho việc xây dựng các viện nghiên cứu.
- C. Nhập kĩ thuật hiện đại, phương pháp sản xuất tiên tiến của nước ngoài.
- D. Coi trọng giáo dục vì “con người là công nghệ cao nhất”.

Câu 3. Mốc đánh dấu bước chuyển từ Cộng đồng châu Âu (EC) sang Liên minh châu Âu (EU) là gì?

- A. Các nước thành viên kí Định ước Helsinki (1975).
- B. Các nước thành viên kí Hiệp ước Maxtrich (1991).
- C. Đồng tiền Euro được phát hành (1999).
- D. Kết nạp thêm 10 nước Đông Âu.

Câu 4. Điểm khác biệt của Nhật Bản so với Mỹ trong phát triển khoa học – kĩ thuật là gì?

- A. Chú trọng xây dựng các công trình giao thông.
- B. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng.
- C. Coi trọng và đầu tư cho các phát minh.
- D. Đầu tư bán quân trang, quân dụng.

Câu 5. Biểu hiện nào dưới đây không phải là xu thế toàn cầu hóa?

- A. Sự ra đời của các ngân hàng lớn trên thế giới.
- B. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia
- C. Sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.
- D. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

Câu 6. Bản chất của toàn cầu hóa là gì?

- A. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
- B. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại tài chính quốc tế.
- C. Sự tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, tác động phụ thuộc lẫn nhau của các khu vực, các quốc gia, dân tộc trên thế giới.
- D. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.

Câu 7. Yếu tố nào làm thay đổi chính sách đối nội và đối ngoại của nước Mỹ khi bước sang thế kỉ XXI?

- A. Chủ nghĩa khủng bố.
- B. Sự suy thoái về kinh tế
- C. Xung đột sắc tộc, tôn giáo.
- D. Chủ nghĩa li khai.

Câu 8. Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở châu Phi được xếp vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc vì

- A. chế độ phân biệt chủng tộc là một hình thái của chủ nghĩa thực dân.
- B. chế độ phân biệt chủng tộc do thực dân xây dựng và nuôi dưỡng.
- C. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc là con đẻ của chủ nghĩa thực dân.
- D. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc có quan hệ mật thiết với chủ nghĩa thực dân.

Câu 9. Từ năm 1950 đến 1973, bên cạnh việc cố gắng đa dạng hóa, đa phương hóa, các nước tư bản Tây Âu vẫn tiếp tục chủ trương gì?

- A. Liên minh với các nước Đông Âu.
- B. Liên minh chặt chẽ với Mỹ.
- C. Mở rộng hợp tác với các nước Đông Bắc Á.
- D. Hợp tác với Liên Xô.

Câu 10. Đây là điều kiện khách quan thuận lợi đối với cuộc đấu tranh giành độc lập các nước Đông Nam Á vào giữa tháng 8 – 1945?

- A. Quân Đồng minh tiến công mạnh mẽ vào các vị trí của quân đội Nhật.
- B. Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.
- C. Quân Đồng minh đánh thắng phát xít Đức.
- D. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh.

Câu 11. Kinh tế Nhật Bản phát triển “thần kì” trong giai đoạn nào?

- A. từ năm 1952 đến năm 1960.
- B. từ năm 1973 đến năm 1991.
- C. từ năm 1991 đến năm 2000.
- D. từ năm 1960 đến năm 1973.

Câu 12. Biến đổi quan trọng nhất của khu vực Đông Nam Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay là gì?

- A. Đạt nhiều thành tựu trong công cuộc xây dựng đất nước.
- B. Hợp tác khu vực ngày càng được mở rộng và đẩy mạnh.
- C. Lần lượt các nước đã trở thành các quốc gia độc lập, tự chủ.
- D. Trở thành một khu vực hòa bình, hợp tác, hữu nghị.

Câu 13. Ý nào sau đây phản ánh đúng tình hình khoa học - kĩ thuật Mĩ trong những năm 90 của thế kỉ XX?

- A. nắm độc quyền phát minh sáng chế trên thế giới.
- B. chiếm $\frac{1}{2}$ số lượng bản quyền phát minh sáng chế trên thế giới.
- C. chiếm $\frac{1}{3}$ số lượng bản quyền phát minh sáng chế trên thế giới.
- D. chiếm toàn bộ phát minh sáng chế trên thế giới.

Câu 14. Vì sao nói “Liên minh Châu Âu là tổ chức liên kết khu vực lớn nhất hành tinh”?

- A. Kết nạp tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị.
- B. Quan hệ với hầu hết các quốc gia trên thế giới.
- C. Chiếm khoảng $\frac{1}{4}$ GDP của toàn thế giới.
- D. Số lượng thành viên nhiều.

Câu 15. Điểm trương đồng về nguyên nhân phát triển kinh tế Mĩ và Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật vào trong sản xuất.
- B. Hợp tác có hiệu quả trong các tổ chức khu vực.
- C. Chi phí cho quốc phòng thấp.
- D. Quân sự hoá nền kinh tế.

Câu 16. Tình hình kinh tế Mĩ trong thập niên 80 của thế kỉ XX như thế nào?

- A. Tiếp tục suy giảm so với thập niên 70.
- B. Dù vẫn có những đợt suy thoái ngắn nhưng vẫn chiếm gần 40% tổng sản phẩm kinh tế toàn cầu.
- C. Đã được phục hồi và phát triển với tốc độ cao hơn bao giờ hết.
- D. Đã phục hồi và phát triển trở lại nhưng tỉ trọng trong nền kinh tế thế giới đã giảm sút nhiều.

Câu 17. Năm 1960, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi giành được thắng lợi nào sau đây?

- A. Nước Cộng hòa Dim-ba-buê ra đời.
- B. Tất cả các nước châu Phi giành được độc lập.
- C. Có 17 nước ở châu Phi được trao trả độc lập.
- D. Chế độ phân biệt chủng tộc bị xóa bỏ.

Câu 18. Nội dung nào phản ánh tình hình kinh tế Tây Âu trong những năm 1945 – 1950?

- A. Kinh tế tăng trưởng xen kẽ với khủng hoảng.
- B. Kinh tế lâm vào khủng hoảng trầm trọng.
- C. Kinh tế được phục hồi và đạt nước trước chiến tranh.
- D. Kinh tế tăng trưởng nhanh chóng.

Câu 19. Nội dung nào sau đây không nằm trong chiến lược “Cam kết và mở rộng” của Tổng thống Mĩ B.Clin-تون?

- A. Tăng cường phát triển khoa học – kĩ thuật quân sự, bảo đảm tính hiện đại về vũ trang.
- B. Sử dụng khẩu hiệu “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào nội bộ của nước khác.
- C. Tăng cường khôi phục, phát triển tính năng động và sức mạnh kinh tế Mĩ.
- D. Bảo đảm an ninh với một lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.

Câu 20. Từ đầu năm 90 của thế kỉ XX, nền kinh tế Nhật Bản như thế nào?

- A. Lâu vào tình trạng suy thoái.
- B. Là nước có nền kinh tế phát triển nhất.
- C. Bị cạnh tranh gay gắt bởi các nước công nghiệp mới.
- D. Tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao.

Câu 21. Vì sao nói Hội nghị cấp cao ở Bali (2 – 1976, Indonesia) đã đánh dấu sự khởi sắc của tổ chức ASEAN?

- A. Vì quan hệ giữa Đông Dương và ASEAN đã có sự thay đổi.
- B. Vì các nước hợp tác có hiệu quả về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.
- C. Vì ASEAN chủ trương mở rộng kết nạp thêm các thành viên.
- D. Vì các nước trong tổ chức đã kí Hiệp ước thân thiện và hợp tác.

Câu 22. Nội dung nào được coi là thời cơ lịch sử do xu thế toàn cầu hóa đem lại cho tất cả các quốc gia trên thế giới?

- A. Nguồn vốn đầu tư, kỹ thuật công nghệ và kinh nghiệm quản lý từ bên ngoài.
- B. Hòa bình, ổn định tạo nên sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
- C. Quá trình liên kết khu vực, hợp tác giữa các nước đang được đẩy mạnh.
- D. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính ở các khu vực.

Câu 23. Cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Campuchia diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. 1954 – 1975.
- B. 1970 – 1975.
- C. 1954 – 1970.
- D. 1954 – 1979.

Câu 24. Yếu tố nào dưới đây không phải là lí do khiến nền kinh tế của các nước Tây Âu phát triển nhanh chóng trong những năm 1950 – 1973?

A. Tận dụng tốt các cơ hội từ bên ngoài để phát triển và hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ Cộng đồng châu Âu.

- B. Ngân sách cho quốc phòng thấp, chủ yếu đầu tư cho phát triển kinh tế.
- C. Nhà nước có vai trò rất to lớn trong quản lý, điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế.
- D. Áp dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật.

Câu 25. Năm 1945, quốc gia nào ở khu vực Đông Nam Á tuyên bố độc lập sớm nhất?

- A. Lào
- B. Việt Nam
- C. Philippine
- D. Indonesia

Câu 26. Xu thế toàn cầu hóa là hệ quả của

- A. quá trình thống nhất thị trường thế giới.
- B. sự ra đời các công ty xuyên quốc gia.
- C. cuộc cách mạng khoa học – công nghệ.
- D. sự phát triển của quan hệ thương mại quốc tế.

Câu 27. Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học công nghệ là gì?

- A. Mọi phát minh về kỹ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn.
- B. Mọi phát minh về kỹ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.
- C. Mọi phát minh về kỹ thuật đều bắt nguồn từ một số lĩnh vực quan trọng.
- D. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

Câu 28. Quốc gia nào mở đầu phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân của nhân dân châu Phi trong những năm 50 của thế kỷ XX?

- A. Môđambích.
- B. Ai Cập.
- C. Xuđăng.
- D. Marốc.

Câu 29. Kết quả to lớn trong cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân Mỹ Latinh đạt được trong những năm 60 – 80 của thế kỷ XX là gì?

- A. Chính quyền độc tài (thân Mỹ) ở nhiều nước bị lật đổ, nền dân chủ được thành lập
- B. Nhiều nước Mỹ Latinh sau khi giành được độc lập đã thoát nghèo, phát triển nhanh.
- C. Các nước Mỹ Latinh vươn lên trở thành nước công nghiệp mới.
- D. Nhiều nước đã thoát khỏi “sân sau” của Mỹ và Tây Ban Nha.

Câu 30. Dấu hiệu nào sau đây chứng tỏ Nhật Bản là siêu cường tài chính số 1 thế giới trong nửa sau những năm 80 của thế kỷ XX?

- A. Dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 2 lần Mỹ, gấp 1,5 lần Cộng hòa Liên bang Đức, là chủ nợ của thế giới.
- B. Dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần của Mỹ, gấp 1,5 lần Cộng hòa Liên bang Đức, là chủ nợ lớn nhất thế giới.

C. Trở thành chủ nợ của thế giới, dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 2,5 lần Cộng hòa Liên bang Đức, gấp 3 lần của Mỹ.

D. Trở thành chủ nợ lớn nhất thế giới, dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 1,5 lần Cộng hòa Dân chủ Đức, gấp 3 lần của Mỹ.

Câu 31. Tại sao từ năm 1973 đến năm 1991, nền kinh tế Tây Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng và suy thoái?

A. Chịu tác động từ khủng hoảng của nước Mỹ và Nhật Bản.

B. Bị bao vây bởi sự lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

C. Tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới bắt đầu từ năm 1973.

D. Các nước Tây Âu mất hết thuộc địa ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh.

Câu 32. Sự kiện Nê-xơn Man-đê-la trở thành tổng thống Nam Phi (1994) có ý nghĩa như thế nào?

A. Đánh dấu sự chấm dứt của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở châu Phi.

B. Đánh dấu sự bình đẳng của các dân tộc, màu da trên thế giới.

C. Đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới.

D. Đánh dấu sự thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 33. Ngoài liên minh chặt chẽ với Mỹ, Nhật Bản vẫn coi trọng quan hệ với Tây Âu và chú trọng phát triển quan hệ với các quốc gia ở khu vực nào?

A. Nam Á.

B. Đông Nam Á.

C. Mỹ Latinh.

D. Đông Bắc Á.

Câu 34. Nguyên nhân chính nào sau đây khiến kinh tế Mỹ lâm vào khủng hoảng và suy thoái trong những năm 1973 – 1982?

A. chi phí nhiều cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

B. khủng hoảng tiền tệ trong hệ thống chủ nghĩa tư bản.

C. tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới 1973.

D. tăng cường chạy đua vũ trang với Liên Xô.

Câu 35. Cuộc đấu tranh chống thực dân Anh, đòi độc lập dân tộc của nhân dân Ấn Độ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng nào?

A. Đảng Quốc đại.

B. Đảng Dân chủ.

C. Đảng Cộng sản.

D. Quốc dân đảng.

Câu 36. Nguyên nhân cơ bản nhất đưa nền kinh tế Nhật Bản phát triển “thần kì” trong những năm 60 – 70 của thế kỷ XX là gì?

A. biết áp dụng khoa học – kĩ thuật để tăng năng suất, cải tiến kĩ thuật và hạ giá thành hàng hóa.

B. biết “lén lách” xâm nhập thị trường các nước đang phát triển.

C. nhờ những cải cách dân chủ đã thực hiện trong những năm 1945 – 1952.

D. biết lợi dụng vốn của nước ngoài để đầu tư vào những ngành công nghiệp then chốt.

Câu 37. Quốc gia nào được mệnh danh là “Lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc Mỹ Latinh” sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Cu-ba

B. Mê-hi-cô

C. Ác-hen-ti-na

D. Bra-xin

Câu 38. Do đâu chất lượng cuộc sống của con người được nâng cao?

A. Do tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ.

B. Do áp dụng khoa học kĩ thuật.

C. Do học hỏi các nước phát triển.

D. Do tác động của tiến bộ kĩ thuật.

Câu 39. Sau cuộc Tổng tuyển cử tháng 9 – 1993, Quốc hội mới của Campuchia đã tuyên bố thành lập

A. nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Campuchia.

B. nước Campuchia dân chủ.

C. Vương quốc Campuchia.

D. nước Cộng hòa Campuchia.

Câu 40. Đâu là mặt hạn chế của xu thế toàn cầu hóa?

A. Cơ cấu kinh tế các nước có sự biến chuyển.

B. Đặt ra yêu cầu cải cách để nâng cao sức cạnh tranh

C. Nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.

D. Thúc đẩy sự phát triển và xã hội hóa của lực lượng sản xuất.

- HẾT -

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

Họ và tên: Số báo danh:

Mã đề 123

Câu 1. Nội dung nào không phản ánh biện pháp của Chính phủ Nhật Bản nhằm thúc đẩy sự phát triển khoa học – kĩ thuật?

- A. Đầu tư lớn cho việc xây dựng các viện nghiên cứu.
- B. Coi trọng giáo dục vì “con người là công nghệ cao nhất”.
- C. Tận dụng chiến tranh để buôn bán vũ khí.
- D. Nhập kĩ thuật hiện đại, phương pháp sản xuất tiên tiến của nước ngoài.

Câu 2. Nội dung nào sau đây không nằm trong chiến lược “Cam kết và mở rộng” của Tổng thống Mĩ B.Clin-تون?

- A. Tăng cường phát triển khoa học – kĩ thuật quân sự, bảo đảm tính hiện đại về vũ trang.
- B. Tăng cường khôi phục, phát triển tính năng động và sức mạnh kinh tế Mĩ.
- C. Bảo đảm an ninh với một lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.
- D. Sử dụng khẩu hiệu “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào nội bộ của nước khác.

Câu 3. Bản chất của toàn cầu hóa là gì?

- A. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại tài chính quốc tế.
- B. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
- C. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.
- D. Sự tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, tác động phụ thuộc lẫn nhau của các khu vực, các quốc gia, dân tộc trên thế giới.

Câu 4. Yếu tố nào dưới đây không phải là lí do khiến nền kinh tế của các nước Tây Âu phát triển nhanh chóng trong những năm 1950 – 1973?

- A. Áp dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật.
- B. Ngân sách cho quốc phòng thấp, chủ yếu đầu tư cho phát triển kinh tế.
- C. Tận dụng tốt các cơ hội từ bên ngoài để phát triển và hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ Cộng đồng châu Âu.
- D. Nhà nước có vai trò rất to lớn trong quản lý, điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế.

Câu 5. Cơ sở quyết định để Mĩ triển khai chiến lược toàn cầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. sự suy yếu của các nước tư bản Tây Âu và sự lớn mạnh của Liên Xô.
- B. tiềm lực kinh tế và quân sự của to lớn của Mĩ
- C. sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.
- D. sự ủng hộ của các nước tư bản đồng minh đã bị Mĩ không chế

Câu 6. Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học công nghệ là gì?

- A. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
- B. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.
- C. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ một số lĩnh vực quan trọng.
- D. Mọi phát minh về kĩ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn.

Câu 7. Quốc gia nào mở đầu phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân của nhân dân châu Phi trong những năm 50 của thế kỉ XX?

- A. Môđambích.
- B. Xuđăng.
- C. Ai Cập.
- D. Marốc.

Câu 8. Xu thế toàn cầu hóa là hệ quả của

- A. sự ra đời các công ty xuyên quốc gia.
- B. quá trình thống nhất thị trường thế giới.
- C. cuộc cách mạng khoa học – công nghệ.
- D. sự phát triển của quan hệ thương mại quốc tế.

Câu 9. Sự kiện Nenxon Măngđêla trở thành tổng thống Nam Phi (1994) có ý nghĩa như thế nào?

- A. Đánh dấu sự bình đẳng của các dân tộc, màu da trên thế giới.
- B. Đánh dấu sự thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- C. Đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới.
- D. Đánh dấu sự chấm dứt của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở châu Phi.

Câu 10. Cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Campuchia diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. 1970 – 1975. B. 1954 – 1979. C. 1954 – 1970. D. 1954 – 1975.

Câu 11. Vì sao nói “Liên minh Châu Âu là tổ chức liên kết khu vực lớn nhất hành tinh”?

- A. Kết nạp tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị.
B. Quan hệ với hầu hết các quốc gia trên thế giới.
C. Số lượng thành viên nhiều.
D. Chiếm khoảng ¼ GDP của toàn thế giới.

Câu 12. Ngoài liên minh chặt chẽ với Mỹ, Nhật Bản vẫn coi trọng quan hệ với Tây Âu và chú trọng phát triển quan hệ với các quốc gia ở khu vực nào?

- A. Đông Bắc Á. B. Mỹ Latinh. C. Nam Á. D. Đông Nam Á.

Câu 13. Nội dung nào được coi là thời cơ lịch sử do xu thế toàn cầu hóa đem lại cho tất cả các quốc gia trên thế giới?

- A. Nguồn vốn đầu tư, kỹ thuật công nghệ và kinh nghiệm quản lý từ bên ngoài.
B. Hòa bình, ổn định tạo nên sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
C. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính ở các khu vực.
D. Quá trình liên kết khu vực, hợp tác giữa các nước đang được đẩy mạnh.

Câu 14. Đây là mặt hạn chế của xu thế toàn cầu hóa?

- A. Cơ cấu kinh tế các nước có sự biến chuyển.
B. Thúc đẩy sự phát triển và xã hội hóa của lực lượng sản xuất.
C. Nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.
D. Đặt ra yêu cầu cải cách để nâng cao sức cạnh tranh

Câu 15. Năm 1960, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi giành được thắng lợi nào sau đây?

- A. Tất cả các nước châu Phi giành được độc lập.
B. Nước Cộng hòa Dim-ba-buê ra đời.
C. Có 17 nước ở châu Phi được trao trả độc lập.
D. Chế độ phân biệt chủng tộc bị xóa bỏ.

Câu 16. Tại sao từ năm 1973 đến năm 1991, nền kinh tế Tây Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng và suy thoái?

- A. Các nước Tây Âu mất hết thuộc địa ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh.
B. Chịu tác động từ khủng hoảng của nước Mỹ và Nhật Bản.
C. Bị bao vây bởi sự lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.
D. Tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới bắt đầu từ năm 1973.

Câu 17. Vì sao nói Hội nghị cấp cao ở Bali (2 – 1976, Indonesia) đã đánh dấu sự khởi sắc của tổ chức ASEAN?

- A. Vì các nước trong tổ chức đã kí Hiệp ước thân thiện và hợp tác.
B. Vì các nước hợp tác có hiệu quả về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.
C. Vì quan hệ giữa Đông Dương và ASEAN đã có sự thay đổi.
D. Vì ASEAN chủ trương mở rộng kết nạp thêm các thành viên.

Câu 18. Ý nào sau đây phản ánh đúng tình hình khoa học - kỹ thuật Mỹ trong những năm 90 của thế kỷ XX?

- A. chiếm ½ số lượng bản quyền phát minh sáng chế trên thế giới.
B. chiếm toàn bộ phát minh sáng chế trên thế giới.
C. nắm độc quyền phát minh sáng chế trên thế giới.
D. chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế trên thế giới.

Câu 19. Kinh tế Nhật Bản phát triển “thần kì” trong giai đoạn nào?

- A. từ năm 1973 đến năm 1991. B. từ năm 1952 đến năm 1960.
C. từ năm 1960 đến năm 1973. D. từ năm 1991 đến năm 2000.

Câu 20. Kết quả to lớn trong cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân Mỹ Latinh đạt được trong những năm 60 – 80 của thế kỷ XX là gì?

- A. Chính quyền độc tài (thân Mỹ) ở nhiều nước bị lật đổ, nền dân chủ được thành lập
B. Các nước Mỹ Latinh vươn lên trở thành nước công nghiệp mới.
C. Nhiều nước Mỹ Latinh sau khi giành được độc lập đã thoát nghèo, phát triển nhanh.
D. Nhiều nước đã thoát khỏi “sân sau” của Mỹ và Tây Ban Nha.

Câu 21. Do đâu chất lượng cuộc sống của con người được nâng cao?

- A. Do áp dụng khoa học kỹ thuật.
- B. Do tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ.
- C. Do học hỏi các nước phát triển.
- D. Do tác động của tiến bộ kỹ thuật.

Câu 22. Năm 1945, quốc gia nào ở khu vực Đông Nam Á tuyên bố độc lập sớm nhất?

- A. Lào
- B. Philippine
- C. Việt Nam
- D. Indonesia

Câu 23. Mốc đánh dấu bước chuyển từ Cộng đồng châu Âu (EC) sang Liên minh châu Âu (EU) là gì?

- A. Đồng tiền Euro được phát hành (1999).
- B. Các nước thành viên kí Hiệp ước Maastricht (1991).
- C. Các nước thành viên kí Định ước Helsinki (1975).
- D. Kết nạp thêm 10 nước Đông Âu.

Câu 24. Biến đổi quan trọng nhất của khu vực Đông Nam Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay là gì?

- A. Hợp tác khu vực ngày càng được mở rộng và đẩy mạnh.
- B. Lần lượt các nước đã trở thành các quốc gia độc lập, tự chủ.
- C. Đạt nhiều thành tựu trong công cuộc xây dựng đất nước.
- D. Trở thành một khu vực hòa bình, hợp tác, hữu nghị.

Câu 25. Từ năm 1950 đến 1973, bên cạnh việc cố gắng đa dạng hóa, đa phương hóa, các nước tư bản Tây Âu vẫn tiếp tục chủ trương gì?

- A. Hợp tác với Liên Xô.
- B. Liên minh chặt chẽ với Mỹ.
- C. Liên minh với các nước Đông Âu.
- D. Mở rộng hợp tác với các nước Đông Bắc Á.

Câu 26. Tình hình kinh tế Mỹ trong thập niên 80 của thế kỉ XX như thế nào?

- A. Đã phục hồi và phát triển trở lại nhưng tỉ trọng trong nền kinh tế thế giới đã giảm sút nhiều.
- B. Dù vẫn có những đợt suy thoái ngắn nhưng vẫn chiếm gần 40% tổng sản phẩm kinh tế toàn cầu.
- C. Tiếp tục suy giảm so với thập niên 70.
- D. Đã được phục hồi và phát triển với tốc độ cao hơn bao giờ hết.

Câu 27. Từ đầu năm 90 của thế kỉ XX, nền kinh tế Nhật Bản như thế nào?

- A. Là nước có nền kinh tế phát triển nhất.
- B. Lậm vào tình trạng suy thoái.
- C. Tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao.
- D. Bị cạnh tranh gay gắt bởi các nước công nghiệp mới.

Câu 28. Điểm trùng đồng về nguyên nhân phát triển kinh tế Mỹ và Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Hợp tác có hiệu quả trong các tổ chức khu vực.
- B. Chi phí cho quốc phòng thấp.
- C. Quân sự hoá nền kinh tế.
- D. Áp dụng thành tựu khoa học – kỹ thuật vào trong sản xuất.

Câu 29. Dấu hiệu nào sau đây chứng tỏ Nhật Bản là siêu cường tài chính số 1 thế giới trong nửa sau những năm 80 của thế kỉ XX?

- A. Trở thành chủ nợ của thế giới, dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 2,5 lần Cộng hòa Liên bang Đức, gấp 3 lần của Mỹ.
- B. Trở thành chủ nợ lớn nhất thế giới, dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 1,5 lần Cộng hòa Dân chủ Đức, gấp 3 lần của Mỹ.
- C. Dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 2 lần Mỹ, gấp 1,5 lần Cộng hòa Liên bang Đức, là chủ nợ của thế giới.
- D. Dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần của Mỹ, gấp 1,5 lần Cộng hòa Liên bang Đức, là chủ nợ lớn nhất thế giới.

Câu 30. Yếu tố nào làm thay đổi chính sách đối nội và đối ngoại của nước Mỹ khi bước sang thế kỉ XXI?

- A. Xung đột sắc tộc, tôn giáo.
- B. Sự suy thoái về kinh tế

C. Chủ nghĩa li khai.

D. Chủ nghĩa khủng bố.

Câu 31. Đầu là điều kiện khách quan thuận lợi đối với cuộc đấu tranh giành độc lập các nước Đông Nam Á vào giữa tháng 8 – 1945?

A. Quân Đồng minh đánh thắng phát xít Đức.

B. Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.

C. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh.

D. Quân Đồng minh tiến công mạnh mẽ vào các vị trí của quân đội Nhật.

Câu 32. Nội dung nào phản ánh tình hình kinh tế Tây Âu trong những năm 1945 – 1950?

A. Kinh tế được phục hồi và đạt nước trước chiến tranh.

B. Kinh tế tăng trưởng xen kẽ với khủng hoảng.

C. Kinh tế lâm vào khủng hoảng trầm trọng.

D. Kinh tế tăng trưởng nhanh chóng.

Câu 33. Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở châu Phi được xếp vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc vì

A. chế độ phân biệt chủng tộc do thực dân xây dựng và nuôi dưỡng.

B. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc có quan hệ mật thiết với chủ nghĩa thực dân.

C. chế độ phân biệt chủng tộc là một hình thái của chủ nghĩa thực dân.

D. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc là con đẻ của chủ nghĩa thực dân.

Câu 34. Nguyên nhân cơ bản nhất đưa nền kinh tế Nhật Bản phát triển “thần kì” trong những năm 60 – 70 của thế kỷ XX là gì?

A. biết “lén lách” xâm nhập thị trường các nước đang phát triển.

B. biết lợi dụng vốn của nước ngoài để đầu tư vào những ngành công nghiệp then chốt.

C. nhờ những cải cách dân chủ đã thực hiện trong những năm 1945 – 1952.

D. biết áp dụng khoa học – kĩ thuật để tăng năng suất, cải tiến kĩ thuật và hạ giá thành hàng hóa.

Câu 35. Điểm khác biệt của Nhật Bản so với Mỹ trong phát triển khoa học – kĩ thuật là gì?

A. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng.

B. Đầu tư bán quân trang, quân dụng.

C. Coi trọng và đầu tư cho các phát minh.

D. Chú trọng xây dựng các công trình giao thông.

Câu 36. Cuộc đấu tranh chống thực dân Anh, đòi độc lập dân tộc của nhân dân Ấn Độ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng nào?

A. Đảng Dân chủ.

B. Đảng Quốc đại.

C. Đảng Cộng sản.

D. Quốc dân đảng.

Câu 37. Quốc gia nào được mệnh danh là “Lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc Mỹ Latinh” sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Mê-hi-cô

B. Bra-xin

C. Cu-ba

D. Ác-hen-ti-na

Câu 38. Sau cuộc Tổng tuyển cử tháng 9 – 1993, Quốc hội mới của Campuchia đã tuyên bố thành lập

A. nước Cộng hòa Campuchia.

B. nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Campuchia.

C. nước Campuchia dân chủ.

D. Vương quốc Campuchia.

Câu 39. Biểu hiện nào dưới đây không phải là xu thế toàn cầu hóa?

A. Sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.

B. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia

C. Sự ra đời của các ngân hàng lớn trên thế giới.

D. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

Câu 40. Nguyên nhân chính nào sau đây khiến kinh tế Mỹ lâm vào khủng hoảng và suy thoái trong những năm 1973 – 1982?

A. khủng hoảng tiền tệ trong hệ thống chủ nghĩa tư bản.

B. tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới 1973.

C. tăng cường chạy đua vũ trang với Liên Xô.

D. chi phí nhiều cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

- HẾT -

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

Họ và tên: Số báo danh:

Mã đề 124

Câu 1. Đây là điều kiện khách quan thuận lợi đối với cuộc đấu tranh giành độc lập các nước Đông Nam Á vào giữa tháng 8 – 1945?

- A. Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.
- B. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh.
- C. Quân Đồng minh đánh thắng phát xít Đức.
- D. Quân Đồng minh tiến công mạnh mẽ vào các vị trí của quân đội Nhật.

Câu 2. Quốc gia nào được mệnh danh là “Lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mỹ Latinh” sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Mê-hi-cô
- B. Ác-hen-ti-na
- C. Cu-ba
- D. Bra-xin

Câu 3. Nội dung nào phản ánh tình hình kinh tế Tây Âu trong những năm 1945 – 1950?

- A. Kinh tế tăng trưởng nhanh chóng.
- B. Kinh tế được phục hồi và đạt nước trước chiến tranh.
- C. Kinh tế lâm vào khủng hoảng trầm trọng.
- D. Kinh tế tăng trưởng xen kẽ với khủng hoảng.

Câu 4. Xu thế toàn cầu hóa là hệ quả của

- A. cuộc cách mạng khoa học – công nghệ.
- B. sự phát triển của quan hệ thương mại quốc tế.
- C. sự ra đời các công ty xuyên quốc gia.
- D. quá trình thống nhất thị trường thế giới.

Câu 5. Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học công nghệ là gì?

- A. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
- B. Mọi phát minh về kỹ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.
- C. Mọi phát minh về kỹ thuật đều bắt nguồn từ một số lĩnh vực quan trọng.
- D. Mọi phát minh về kỹ thuật đều bắt nguồn từ thực tiễn.

Câu 6. Năm 1960, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi giành được thắng lợi nào sau đây?

- A. Chế độ phân biệt chủng tộc bị xóa bỏ.
- B. Có 17 nước ở châu Phi được trao trả độc lập.
- C. Tất cả các nước châu Phi giành được độc lập.
- D. Nước Cộng hòa Dim-ba-buê ra đời.

Câu 7. Mốc đánh dấu bước chuyển từ Cộng đồng châu Âu (EC) sang Liên minh châu Âu (EU) là gì?

- A. Các nước thành viên ký Hiệp ước Maxtrich (1991).
- B. Các nước thành viên ký Định ước Helsinki (1975).
- C. Đồng tiền Euro được phát hành (1999).
- D. Kết nạp thêm 10 nước Đông Âu.

Câu 8. Từ đầu năm 90 của thế kỷ XX, nền kinh tế Nhật Bản như thế nào?

- A. Là nước có nền kinh tế phát triển nhất.
- B. Bị cạnh tranh gay gắt bởi các nước công nghiệp mới.
- C. Tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao.
- D. Lâm vào tình trạng suy thoái.

Câu 9. Nội dung nào không phản ánh biện pháp của Chính phủ Nhật Bản nhằm thúc đẩy sự phát triển khoa học – kỹ thuật?

- A. Tận dụng chiến tranh để buôn bán vũ khí.
- B. Coi trọng giáo dục vì “con người là công nghệ cao nhất”.
- C. Nhập kỹ thuật hiện đại, phương pháp sản xuất tiên tiến của nước ngoài.
- D. Đầu tư lớn cho việc xây dựng các viện nghiên cứu.

Câu 10. Năm 1945, quốc gia nào ở khu vực Đông Nam Á tuyên bố độc lập sớm nhất?

- A. Việt Nam
- B. Philippine
- C. Lào
- D. Indonesia

Câu 11. Ý nào sau đây phản ánh đúng tình hình khoa học - kĩ thuật Mỹ trong những năm 90 của thế kỉ XX?

- A. chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế trên thế giới.
- B. nắm độc quyền phát minh sáng chế trên thế giới.
- C. chiếm toàn bộ phát minh sáng chế trên thế giới.
- D. chiếm $\frac{1}{2}$ số lượng bản quyền phát minh sáng chế trên thế giới.

Câu 12. Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở châu Phi được xếp vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc vì

- A. chế độ phân biệt chủng tộc do thực dân xây dựng và nuôi dưỡng.
- B. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc là con đẻ của chủ nghĩa thực dân.
- C. chế độ phân biệt chủng tộc là một hình thái của chủ nghĩa thực dân.
- D. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc có quan hệ mật thiết với chủ nghĩa thực dân.

Câu 13. Tình hình kinh tế Mỹ trong thập niên 80 của thế kỉ XX như thế nào?

- A. Dù vẫn có những đợt suy thoái ngắn nhưng vẫn chiếm gần 40% tổng sản phẩm kinh tế toàn cầu.
- B. Tiếp tục suy giảm so với thập niên 70.
- C. Đã phục hồi và phát triển trở lại nhưng tỉ trọng trong nền kinh tế thế giới đã giảm sút nhiều.
- D. Đã được phục hồi và phát triển với tốc độ cao hơn bao giờ hết.

Câu 14. Vì sao nói Hội nghị cấp cao ở Bali (2 – 1976, Indonesia) đã đánh dấu sự khởi sắc của tổ chức ASEAN?

- A. Vì các nước hợp tác có hiệu quả về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.
- B. Vì ASEAN chủ trương mở rộng kết nạp thêm các thành viên.
- C. Vì các nước trong tổ chức đã kí Hiệp ước thân thiện và hợp tác.
- D. Vì quan hệ giữa Đông Dương và ASEAN đã có sự thay đổi.

Câu 15. Điểm khác biệt của Nhật Bản so với Mỹ trong phát triển khoa học – kĩ thuật là gì?

- A. Chú trọng xây dựng các công trình giao thông.
- B. Đầu tư bán quân trang, quân dụng.
- C. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng.
- D. Coi trọng và đầu tư cho các phát minh.

Câu 16. Yếu tố nào làm thay đổi chính sách đối nội và đối ngoại của nước Mỹ khi bước sang thế kỉ XXI?

- A. Xung đột sắc tộc, tôn giáo.
- B. Chủ nghĩa khủng bố.
- C. Sự suy thoái về kinh tế.
- D. Chủ nghĩa li khai.

Câu 17. Bản chất của toàn cầu hóa là gì?

- A. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại tài chính quốc tế.
- B. Sự tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, tác động phụ thuộc lẫn nhau của các khu vực, các quốc gia, dân tộc trên thế giới.
- C. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia.
- D. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

Câu 18. Cuộc đấu tranh chống thực dân Anh, đòi độc lập dân tộc của nhân dân Ấn Độ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng nào?

- A. Đảng Quốc đại.
- B. Quốc dân đảng.
- C. Đảng Cộng sản.
- D. Đảng Dân chủ.

Câu 19. Từ năm 1950 đến 1973, bên cạnh việc cố gắng đa dạng hóa, đa phương hóa, các nước tư bản Tây Âu vẫn tiếp tục chủ trương gì?

- A. Liên minh với các nước Đông Âu.
- B. Mở rộng hợp tác với các nước Đông Bắc Á.
- C. Hợp tác với Liên Xô.
- D. Liên minh chặt chẽ với Mỹ.

Câu 20. Vì sao nói “Liên minh Châu Âu là tổ chức liên kết khu vực lớn nhất hành tinh”?

- A. Chiếm khoảng $\frac{1}{4}$ GDP của toàn thế giới.
- B. Kết nạp tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị.
- C. Số lượng thành viên nhiều.
- D. Quan hệ với hầu hết các quốc gia trên thế giới.

Câu 21. Sau cuộc Tổng tuyển cử tháng 9 – 1993, Quốc hội mới của Campuchia đã tuyên bố thành lập

- A. Vương quốc Campuchia.
- B. nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Campuchia.
- C. nước Cộng hòa Campuchia.
- D. nước Campuchia dân chủ.

Câu 22. Nguyên nhân cơ bản nhất đưa nền kinh tế Nhật Bản phát triển “thần kì” trong những năm 60 – 70 của thế kỷ XX là gì?

- A. nhờ những cải cách dân chủ đã thực hiện trong những năm 1945 – 1952.
- B. biết áp dụng khoa học – kĩ thuật để tăng năng suất, cải tiến kĩ thuật và hạ giá thành hàng hóa.
- C. biết lợi dụng vốn của nước ngoài để đầu tư vào những ngành công nghiệp then chốt.
- D. biết “lén lách” xâm nhập thị trường các nước đang phát triển.

Câu 23. Ngoài liên minh chặt chẽ với Mĩ, Nhật Bản vẫn coi trọng quan hệ với Tây Âu và chú trọng phát triển quan hệ với các quốc gia ở khu vực nào?

- A. Nam Á.
- B. Mĩ Latinh.
- C. Đông Nam Á.
- D. Đông Bắc Á.

Câu 24. Tại sao từ năm 1973 đến năm 1991, nền kinh tế Tây Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng và suy thoái?

- A. Tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới bắt đầu từ năm 1973.
- B. Các nước Tây Âu mất hết thuộc địa ở châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ Latinh.
- C. Chịu tác động từ khủng hoảng của nước Mĩ và Nhật Bản.
- D. Bị bao vây bởi sự lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

Câu 25. Do đâu chất lượng cuộc sống của con người được nâng cao?

- A. Do tác động của cuộc cách mạng khoa học công nghệ.
- B. Do tác động của tiến bộ kĩ thuật.
- C. Do học hỏi các nước phát triển.
- D. Do áp dụng khoa học kĩ thuật.

Câu 26. Cơ sở quyết định để Mĩ triển khai chiến lược toàn cầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. sự suy yếu của các nước tư bản Tây Âu và sự lớn mạnh của Liên Xô.
- B. tiềm lực kinh tế và quân sự của to lớn của Mĩ
- C. sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.
- D. sự ủng hộ của các nước tư bản đồng minh đã bị Mĩ không chế

Câu 27. Đâu là mặt hạn chế của xu thế toàn cầu hóa?

- A. Thúc đẩy sự phát triển và xã hội hóa của lực lượng sản xuất.
- B. Nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.
- C. Đặt ra yêu cầu cải cách để nâng cao sức cạnh tranh
- D. Cơ cấu kinh tế các nước có sự biến chuyển.

Câu 28. Quốc gia nào mở đầu phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân của nhân dân châu Phi trong những năm 50 của thế kỷ XX?

- A. Maroc.
- B. Xuđăng.
- C. Môđambích.
- D. Ai Cập.

Câu 29. Sự kiện Nenxơn Mandêla trở thành tổng thống Nam Phi (1994) có ý nghĩa như thế nào?

- A. Đánh dấu sự thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- B. Đánh dấu sự chấm dứt của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ở châu Phi.
- C. Đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới.
- D. Đánh dấu sự bình đẳng của các dân tộc, màu da trên thế giới.

Câu 30. Cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân Campuchia diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. 1954 – 1970.
- B. 1954 – 1975.
- C. 1954 – 1979.
- D. 1970 – 1975.

Câu 31. Yếu tố nào dưới đây không phải là lí do khiến nền kinh tế của các nước Tây Âu phát triển nhanh chóng trong những năm 1950 – 1973?

- A. Nhà nước có vai trò rất to lớn trong quản lý, điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế.
- B. Áp dụng thành công những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật.
- C. Tận dụng tốt các cơ hội từ bên ngoài để phát triển và hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ Cộng đồng châu Âu.
- D. Ngân sách cho quốc phòng thấp, chủ yếu đầu tư cho phát triển kinh tế.

Câu 32. Biến đổi quan trọng nhất của khu vực Đông Nam Á từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay là gì?

- A. Trở thành một khu vực hòa bình, hợp tác, hữu nghị.
- B. Đạt nhiều thành tựu trong công cuộc xây dựng đất nước.
- C. Hợp tác khu vực ngày càng được mở rộng và đẩy mạnh.
- D. Lần lượt các nước đã trở thành các quốc gia độc lập, tự chủ.

Câu 33. Kinh tế Nhật Bản phát triển “thần kì” trong giai đoạn nào?

- A. từ năm 1952 đến năm 1960.
- B. từ năm 1991 đến năm 2000.
- C. từ năm 1960 đến năm 1973.
- D. từ năm 1973 đến năm 1991.

Câu 34. Nguyên nhân chính nào sau đây khiến kinh tế Mỹ lâm vào khủng hoảng và suy thoái trong những năm 1973 – 1982?

- A. khủng hoảng tiền tệ trong hệ thống chủ nghĩa tư bản.
- B. tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới 1973.
- C. chi phí nhiều cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.
- D. tăng cường chạy đua vũ trang với Liên Xô.

Câu 35. Nội dung nào sau đây không nằm trong chiến lược “Cam kết và mở rộng” của Tổng thống Mĩ B.Clin-تون?

- A. Sử dụng khẩu hiệu “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào nội bộ của nước khác.
- B. Bảo đảm an ninh với một lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.
- C. Tăng cường phát triển khoa học – kĩ thuật quân sự, bảo đảm tính hiện đại về vũ trang.
- D. Tăng cường khôi phục, phát triển tính năng động và sức mạnh kinh tế Mĩ.

Câu 36. Biểu hiện nào dưới đây không phải là xu thế toàn cầu hóa?

- A. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
- B. Sự ra đời của các ngân hàng lớn trên thế giới.
- C. Sự sáp nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn.
- D. Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia

Câu 37. Kết quả to lớn trong cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân Mĩ Latinh đạt được trong những năm 60 – 80 của thế kỉ XX là gì?

- A. Các nước Mĩ Latinh vươn lên trở thành nước công nghiệp mới.
- B. Nhiều nước đã thoát khỏi “sân sau” của Mĩ và Tây Ban Nha.
- C. Chính quyền độc tài (thân Mĩ) ở nhiều nước bị lật đổ, nền dân chủ được thành lập
- D. Nhiều nước Mĩ Latinh sau khi giành được độc lập đã thoát nghèo, phát triển nhanh.

Câu 38. Nội dung nào được coi là thời cơ lịch sử do xu thế toàn cầu hóa đem lại cho tất cả các quốc gia trên thế giới?

- A. Nguồn vốn đầu tư, kĩ thuật công nghệ và kinh nghiệm quản lí từ bên ngoài.
- B. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính ở các khu vực.
- C. Hòa bình, ổn định tạo nên sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
- D. Quá trình liên kết khu vực, hợp tác giữa các nước đang được đẩy mạnh.

Câu 39. Điểm tương đồng về nguyên nhân phát triển kinh tế Mĩ và Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Hợp tác có hiệu quả trong các tổ chức khu vực.
- B. Chi phí cho quốc phòng thấp.
- C. Áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật vào trong sản xuất.
- D. Quân sự hoá nền kinh tế.

Câu 40. Dấu hiệu nào sau đây chứng tỏ Nhật Bản là siêu cường tài chính số 1 thế giới trong nửa sau những năm 80 của thế kỉ XX?

- A. Trở thành chủ nợ lớn nhất thế giới, dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 1,5 lần Cộng hòa Dân chủ Đức, gấp 3 lần của Mĩ.
- B. Trở thành chủ nợ của thế giới, dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 2,5 lần Cộng hòa Liên bang Đức, gấp 3 lần của Mĩ.
- C. Dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần của Mĩ, gấp 1,5 lần Cộng hòa Liên bang Đức, là chủ nợ lớn nhất thế giới.
- D. Dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 2 lần Mĩ, gấp 1,5 lần Cộng hòa Liên bang Đức, là chủ nợ của thế giới.

- HẾT -

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

ĐÁP ÁN KIỂM TRA CUỐI KÌ I – NĂM HỌC: 2023 – 2024**MÔN: LỊCH SỬ 12 – BAN KHOA HỌC TỰ NHIÊN****BỘ ĐỀ 1**

Đề\câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
121	A	C	D	B	B	A	A	D	A	D	B	C	B	D	D	A	D	D	D	B
122	A	A	B	B	A	C	A	A	B	D	D	C	C	C	A	D	C	C	A	A
123	C	A	D	B	B	A	C	C	D	A	D	D	A	C	C	D	A	D	C	A
124	B	C	B	A	A	B	A	D	A	D	A	C	C	C	C	B	B	A	D	A
Đề\câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
121	B	B	A	B	C	A	A	C	C	A	D	B	C	C	A	B	A	B	C	A
122	D	A	B	B	D	C	D	B	A	B	C	A	B	C	A	A	A	A	C	C
123	B	D	B	B	B	A	B	D	D	D	C	A	C	D	A	B	C	D	C	B
124	A	B	C	A	A	B	B	D	B	D	D	D	C	B	C	B	C	A	C	C

(Đề kiểm tra gồm có 4 trang)

Họ và tên: Số báo danh:

Mã đề 221

Câu 1. Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở châu Phi được xếp vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc vì

- A. chế độ phân biệt chủng tộc là một hình thái của chủ nghĩa thực dân.
- B. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc là con đẻ của chủ nghĩa thực dân.
- C. chế độ phân biệt chủng tộc do thực dân xây dựng và nuôi dưỡng.
- D. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc có quan hệ mật thiết với chủ nghĩa thực dân.

Câu 2. Sự kiện nào được xem là mốc mở đầu cho phong trào đấu tranh giành độc lập ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Cách mạng Libi bùng nổ (1952).
- B. Thắng lợi của phong trào cách mạng Angiêri (1962).
- C. Thắng lợi của phong trào cách mạng ở Tuynidi (1956).
- D. Cuộc binh biến của sĩ quan, binh lính yêu nước ở Ai Cập (1952).

Câu 3. Đầu là nguyên nhân khách quan đưa đến sự phục hồi kinh tế của Nhật Bản và Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Sự viện trợ của Mỹ.
- B. Đầu tư phát triển khoa học kỹ thuật.
- C. Đẩy mạnh khai thác, bóc lột thuộc địa.
- D. Đầu tư phát triển con người.

Câu 4. Hai sự kiện nào sau đây xảy ra trong năm 1956 và có ý nghĩa quan trọng trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản?

- A. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam và Trung Quốc.
- B. Bình thường hóa quan hệ với Liên Xô và gia nhập Liên hợp quốc.
- C. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Mỹ và Tây Âu.
- D. Thiết lập quan hệ ngoại giao với ASEAN và Liên minh châu Âu.

Câu 5. Đặc điểm cơ bản nhất của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện nay là gì?

- A. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
- B. Mọi phát minh kỹ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.
- C. Diễn ra trên nhiều lĩnh vực với quy mô lớn với tốc độ nhanh.
- D. Các phát minh kỹ thuật diễn ra với tốc độ nhanh chóng.

Câu 6. Đặc điểm nổi bật trong quan hệ đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Cạnh tranh gay gắt với Mỹ và các nước Tây Âu.
- B. Liên minh chặt chẽ với Mỹ.
- C. Phát triển kinh tế đối ngoại, xâm nhập và mở rộng phạm vi thế lực bằng kinh tế ở khắp mọi nơi, đặc biệt là Đông Nam Á.
- D. Không đưa quân đi tham chiến ở nước ngoài.

Câu 7. Nội dung nào được coi là thời cơ lịch sử do xu thế toàn cầu hóa đem lại cho tất cả các quốc gia trên thế giới?

- A. Hòa bình, ổn định tạo nên sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
- B. Nguồn vốn đầu tư, kỹ thuật công nghệ và kinh nghiệm quản lý từ bên ngoài.
- C. Quá trình liên kết khu vực, hợp tác giữa các nước đang được đẩy mạnh.
- D. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính ở các khu vực.

Câu 8. Đầu là điều kiện khách quan thuận lợi đối với cuộc đấu tranh giành độc lập các nước Đông Nam Á vào giữa tháng 8 – 1945?

- A. Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.
- B. Quân Đồng minh tiến công mạnh mẽ vào các vị trí của quân đội Nhật.
- C. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh.

D. Quân Đồng minh đánh thắng phát xít Đức.

Câu 9. Cơ sở quyết định để Mỹ triển khai chiến lược toàn cầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. tiềm lực kinh tế và quân sự của to lớn của Mỹ
- B. sự suy yếu của các nước tư bản Tây Âu và sự lớn mạnh của Liên Xô.
- C. sự ủng hộ của các nước tư bản đồng minh đã bị Mỹ khống chế
- D. sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Câu 10. Nhật Bản bắt đầu đặt quan hệ ngoại giao với các nước ASEAN vào thời gian nào?

- A. Năm 1978
- B. Năm 1979
- C. Năm 1976
- D. Năm 1977

Câu 11. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã khiến khu vực này được mệnh danh là gì?

- A. “Lục địa bão táp”.
- B. “Lục địa bùng cháy”.
- C. “Lục địa thức tỉnh”.
- D. “Lục địa mới trời dậy”.

Câu 12. Điểm tương đồng về nguyên nhân phát triển kinh tế Mỹ và Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Quân sự hoá nền kinh tế.
- B. Hợp tác có hiệu quả trong các tổ chức khu vực.
- C. Áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật vào trong sản xuất.
- D. Chi phí cho quốc phòng thấp.

Câu 13. Ý nào sau đây nói lên mặt tích cực của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại?

A. Làm thay đổi cơ bản các yếu tố của sản xuất, tạo ra bước nhảy vọt chưa từng thấy của lực lượng sản xuất và năng suất lao động.

- B. Tìm ra những nguồn năng lượng mới, vật liệu mới, công cụ sản xuất mới.
- C. Tạo ra những loại vũ khí mới, thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp quốc phòng.
- D. Mở ra khả năng chinh phục vũ trụ của con người.

Câu 14. Ý nào sau đây không phải là tác động tiêu cực của toàn cầu hóa?

- A. Đưa lại sự tăng trưởng cao.
- B. Phân hóa giàu nghèo giữa các nước trên thế giới và trong xã hội.
- C. Tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.
- D. Kém an toàn về kinh tế, tài chính, chính trị.

Câu 15. Mỹ đã làm gì để thực hiện “Chiến lược toàn cầu” trong những năm 1945 – 1973?

- A. Hợp tác kinh tế với các nước tư bản đồng minh.
- B. Tạo áp lực quân sự, buộc các nước tư bản sau chiến tranh phải phục tùng Mỹ.
- C. Cùng với Anh, Pháp chiến đấu bảo vệ hệ thống thuộc địa cũ trên thế giới.
- D. Phát động cuộc Chiến tranh lạnh với Liên Xô.

Câu 16. Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi và khu vực Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai đều

- A. trực tiếp góp phần giải trừ chủ nghĩa thực dân trên thế giới.
- B. xóa bỏ được chế độ phân biệt chủng tộc và “sân sau” của Mỹ.
- C. nhận được sự ủng hộ, cổ vũ to lớn của Liên Xô và Trung Quốc.
- D. góp phần làm sụp đổ hệ thống tư bản chủ nghĩa trên thế giới.

Câu 17. Biểu hiện nào dưới đây phản ánh đúng xu thế toàn cầu hóa hiện nay?

- A. Sự phát triển nhanh chóng của các quan hệ thương mại quốc tế.
- B. Sự chuyển biến về cơ cấu kinh tế các nước trên thế giới.
- C. Sự tăng trưởng cao của các nền kinh tế.
- D. Sự phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất.

Câu 18. Kết quả bao trùm mà nhóm 5 nước sáng lập ASEAN đạt được sau khi thực hiện chiến lược kinh tế hướng ngoại là gì?

- A. Mậu dịch đối ngoại tăng trưởng rất nhanh.
- B. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng với tốc độ nhanh.
- C. Giải quyết tốt vấn đề tăng trưởng và công bằng xã hội.
- D. Bộ mặt kinh tế – xã hội có sự biến đổi to lớn.

- A. Hiệp định Pa-ri về Cam-pu-chia (10 - 1991)
- B. Tuyên bố Băng Cốc (8 - 1967).
- C. Kí Hiệp ước thân thiện và hợp tác (2 - 1976).
- D. Mười nước cùng đứng trong một tổ chức thống nhất (4 - 1999).

Câu 31. Điểm khác nhau về mục tiêu, nhiệm vụ giữa phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi với khu vực Mĩ Latinh là

- A. chống lại các thế lực thân Mĩ.
- B. chống lại bọn đế quốc, thực dân và tay sai.
- C. chống lại bọn đế quốc, thực dân.
- D. chống lại bọn tay sai cho đế quốc, thực dân.

Câu 32. Tính đến năm 2007, liên minh châu Âu (EU) bao gồm bao nhiêu nước thành viên?

- A. 26 nước thành viên.
- B. 27 nước thành viên.
- C. 28 nước thành viên.
- D. 25 nước thành viên

Câu 33. Ấn Độ trở thành một trong những cường quốc sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới nhờ thực hiện cuộc cách mạng nào?

- A. Cách mạng chất xám.
- B. Cách mạng trắng.
- C. Cách mạng xanh.
- D. Cách mạng công nghiệp.

Câu 34. Nội dung nào không phản ánh đúng những nhân tố thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế các nước Tây Âu trong những năm 1950 - 1973?

- A. Nhà nước quản lý và điều tiết có hiệu quả nền kinh tế.
- B. Hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ Cộng đồng châu Âu.
- C. Áp dụng thành tựu khoa học – kỹ thuật vào sản xuất.
- D. Chi phí quốc phòng thấp (dưới 1% ngân sách quốc gia).

Câu 35. Kinh tế của Mĩ, Tây Âu và Nhật Bản giai đoạn 1973 – 1991 có điểm gì tương đồng?

- A. Các nước bị Liên Xô, Trung Quốc và các nước công nghiệp mới vươn lên cạnh tranh gay gắt.
- B. Tăng trưởng nhanh chóng, trở thành ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới tư bản.
- C. Cùng tăng trưởng, phát triển “thần kì” và trở thành đối tượng với phe xã hội chủ nghĩa.
- D. Bị suy thoái kéo dài do khủng hoảng năng lượng nhưng vẫn giữ các vị trí hàng đầu thế giới.

Câu 36. Nguồn gốc của cách mạng khoa học công nghệ thế kỉ XX là gì?

- A. Nhằm đáp ứng nhu cầu về vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người.
- B. Yêu cầu của việc cải tiến vũ khí ngày càng hiện đại.
- C. Do yêu cầu của cuộc sống con người.
- D. Do sự bùng nổ dân số trên thế giới.

Câu 37. Nội dung nào phản ánh đúng tình hình Campuchia trong những năm 1954 – 1970?

- A. Là một nước lệ thuộc phương Tây.
- B. Là một nước trung lập.
- C. Là một nước lệ thuộc Pháp.
- D. Là một thuộc địa kiểu mới của Mĩ.

Câu 38. Khi Nhật đầu hàng Đồng minh (1945), 3 quốc gia nào ở Đông Nam Á tuyên bố độc lập?

- A. Miến Điện, Lào, Việt Nam.
- B. Việt Nam, Philippine, Lào.
- C. Philippine, Campuchia, Việt Nam.
- D. Indonesia, Việt Nam, Lào.

Câu 39. Yếu tố nào không phải là nguyên nhân dẫn đến sự phát triển của kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Các tập đoàn tư bản lũng đoạn có sức sản xuất, cạnh tranh lớn.
- B. Vai trò của Nhà nước trong việc hoạch định chính sách và điều tiết nền kinh tế.
- C. Chính sách mới của Tổng thống Ruderoven đã phát huy tác dụng trên thực tế.
- D. Áp dụng những thành tựu khoa học – kỹ thuật vào trong sản xuất.

Câu 40. Tại sao từ năm 1973 đến năm 1991, nền kinh tế Tây Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng và suy thoái?

- A. Tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới bắt đầu từ năm 1973.
- B. Bị bao vây bởi sự lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.
- C. Các nước Tây Âu mất hết thuộc địa ở châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ Latinh.
- D. Chịu tác động từ khủng hoảng của nước Mĩ và Nhật Bản.

- HẾT -

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

D. Chịu tác động từ khủng hoảng của nước Mỹ và Nhật Bản.

Câu 11. Kinh tế của Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản giai đoạn 1973 – 1991 có điểm gì tương đồng?

- A. Tăng trưởng nhanh chóng, trở thành ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới tư bản.
- B. Bị suy thoái kéo dài do khủng hoảng năng lượng nhưng vẫn giữ các vị trí hàng đầu thế giới.
- C. Các nước bị Liên Xô, Trung Quốc và các nước công nghiệp mới vươn lên cạnh tranh gay gắt.
- D. Cùng tăng trưởng, phát triển “thần kì” và trở thành đối tượng với phe xã hội chủ nghĩa.

Câu 12. Đặc điểm nổi bật trong quan hệ đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Phát triển kinh tế đối ngoại, xâm nhập và mở rộng phạm vi thế lực bằng kinh tế ở khắp mọi nơi, đặc biệt là Đông Nam Á.
- B. Không đưa quân đi tham chiến ở nước ngoài.
- C. Liên minh chặt chẽ với Mỹ.
- D. Cạnh tranh gay gắt với Mỹ và các nước Tây Âu.

Câu 13. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã khiến khu vực này được mệnh danh là gì?

- A. “Lục địa mới trời dậy”.
- B. “Lục địa bùng cháy”.
- C. “Lục địa bão táp”.
- D. “Lục địa thức tỉnh”.

Câu 14. Nội dung nào không phản ánh đúng những nhân tố thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế các nước Tây Âu trong những năm 1950 - 1973?

- A. Chi phí quốc phòng thấp (dưới 1% ngân sách quốc gia).
- B. Áp dụng thành tựu khoa học – kỹ thuật vào sản xuất.
- C. Hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ Cộng đồng châu Âu.
- D. Nhà nước quản lý và điều tiết có hiệu quả nền kinh tế.

Câu 15. Ý nào sau đây không phải là tác động tiêu cực của toàn cầu hóa?

- A. Kém an toàn về kinh tế, tài chính, chính trị.
- B. Đưa lại sự tăng trưởng cao.
- C. Tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.
- D. Phân hóa giàu nghèo giữa các nước trên thế giới và trong xã hội.

Câu 16. Sự kiện nào đánh dấu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi cơ bản bị tan rã?

- A. Cuộc đấu tranh chống thực dân Bồ Đào Nha của nhân dân Ănggôla, Môdămbích giành thắng lợi (1975).
- B. Nhân dân Nam Rôđêdia thành lập nước Cộng hòa Dimbabuê (1980).
- C. Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Ăngiêri thắng lợi (1962).
- D. Chính quyền Nam Phi phải trao trả độc lập cho Namibia (1990).

Câu 17. Nội dung nào được coi là thời cơ lịch sử do xu thế toàn cầu hóa đem lại cho tất cả các quốc gia trên thế giới?

- A. Nguồn vốn đầu tư, kỹ thuật công nghệ và kinh nghiệm quản lý từ bên ngoài.
- B. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính ở các khu vực.
- C. Quá trình liên kết khu vực, hợp tác giữa các nước đang được đẩy mạnh.
- D. Hòa bình, ổn định tạo nên sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

Câu 18. Đây là điều kiện khách quan thuận lợi đối với cuộc đấu tranh giành độc lập các nước Đông Nam Á vào giữa tháng 8 – 1945?

- A. Quân Đồng minh đánh thắng phát xít Đức.
- B. Quân Đồng minh tiến công mạnh mẽ vào các vị trí của quân đội Nhật.
- C. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh.
- D. Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.

Câu 19. Yếu tố nào không phải là nguyên nhân dẫn đến sự phát triển của kinh tế Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Các tập đoàn tư bản lũng đoạn có sức sản xuất, cạnh tranh lớn.
- B. Áp dụng những thành tựu khoa học – kỹ thuật vào trong sản xuất.
- C. Vai trò của Nhà nước trong việc hoạch định chính sách và điều tiết nền kinh tế.

D. Chính sách mới của Tổng thống Rudoven đã phát huy tác dụng trên thực tế.

Câu 20. Kết quả bao trùm mà nhóm 5 nước sáng lập ASEAN đạt được sau khi thực hiện chiến lược kinh tế hướng ngoại là gì?

- A. Giải quyết tốt vấn đề tăng trưởng và công bằng xã hội.
- B. Bộ mặt kinh tế – xã hội có sự biến đổi to lớn.
- C. Mậu dịch đối ngoại tăng trưởng rất nhanh.
- D. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng với tốc độ nhanh.

Câu 21. Biến đổi có ý nghĩa lớn nhất đối với các dân tộc Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Thành lập và mở rộng liên minh khu vực – ASEAN.
- B. Từ thân phận phân bị mất độc lập đã trở thành các quốc gia độc lập, tự chủ.
- C. Việt Nam góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân kiểu cũ và kiểu mới.
- D. Nhiều nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, trở thành nước công nghiệp.

Câu 22. Khi Nhật đầu hàng Đồng minh (1945), 3 quốc gia nào ở Đông Nam Á tuyên bố độc lập?

- A. Philippine, Campuchia, Việt Nam.
- B. Việt Nam, Philippine, Lào.
- C. Indonesia, Việt Nam, Lào.
- D. Miến Điện, Lào, Việt Nam.

Câu 23. Cơ sở quyết định để Mỹ triển khai chiến lược toàn cầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. sự suy yếu của các nước tư bản Tây Âu và sự lớn mạnh của Liên Xô.
- B. sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.
- C. sự ủng hộ của các nước tư bản đồng minh đã bị Mỹ khống chế
- D. tiềm lực kinh tế và quân sự của to lớn của Mỹ

Câu 24. Tính đến năm 2007, liên minh châu Âu (EU) bao gồm bao nhiêu nước thành viên?

- A. 26 nước thành viên.
- B. 27 nước thành viên.
- C. 25 nước thành viên
- D. 28 nước thành viên.

Câu 25. Điểm tương đồng về nguyên nhân phát triển kinh tế Mỹ và Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Hợp tác có hiệu quả trong các tổ chức khu vực.
- B. Chi phí cho quốc phòng thấp.
- C. Quân sự hoá nền kinh tế.
- D. Áp dụng thành tựu khoa học – kỹ thuật vào trong sản xuất.

Câu 26. Chính sách đối ngoại chủ yếu của Tây Âu từ 1950 đến 1973 là gì?

- A. Rút khỏi khối quân sự NATO.
- B. Cố gắng đặt quan hệ với Nhật Bản.
- C. Liên minh hoàn toàn với Mỹ.
- D. Đa phương hóa trong quan hệ.

Câu 27. Đầu là nguyên nhân khách quan đưa đến sự phục hồi kinh tế của Nhật Bản và Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Đầu tư phát triển khoa học kỹ thuật.
- B. Đầu tư phát triển con người.
- C. Đẩy mạnh khai thác, bóc lột thuộc địa.
- D. Sự viện trợ của Mỹ.

Câu 28. Biểu hiện nào sau đây thể hiện giai đoạn từ 1991 đến năm 2000, khoa học – kỹ thuật của Mỹ vẫn tiếp tục phát triển?

- A. Đạt nhiều thành tựu trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ.
- B. Chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế của thế giới.
- C. Đi đầu trong các lĩnh vực chế tạo công cụ sản xuất mới.
- D. Ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi ngành kinh tế.

Câu 29. Nội dung nào phản ánh đúng tình hình Campuchia trong những năm 1954 – 1970?

- A. Là một nước trung lập.
- B. Là một thuộc địa kiểu mới của Mỹ.
- C. Là một nước lệ thuộc phương Tây.
- D. Là một nước lệ thuộc Pháp.

Câu 30. Quá trình phát triển hợp tác khu vực của các nước Tây Âu có thể diễn đạt bằng sơ đồ nào dưới đây?

- A. EC → EEC → EU.
- B. EU → EEC → EC.
- C. EEC → EU → EC.
- D. EEC → EC → EU.

Câu 31. Dấu hiệu nào chứng tỏ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ là trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới?

- A. Chiếm hơn 50% số lượng tàu bè đi lại trên mặt biển.
- B. Kinh tế Mĩ chiếm gần 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.
- C. Sản lượng công nghiệp chiếm gần 40% tổng sản lượng công nghiệp thế giới.
- D. Sản lượng nông nghiệp bằng hai lần Anh, Pháp, Tây Đức, Nhật, Italia cộng lại.

Câu 32. Tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm của Nhật Bản từ 1960 – 1969 là

- A. 7,8%
- B. 10,8%
- C. 8,7%
- D. 8,1%

Câu 33. Điểm khác biệt của Nhật Bản so với Mĩ trong phát triển khoa học – kĩ thuật?

- A. Coi trọng và đầu tư cho các phát minh.
- B. Đầu tư bán quân trang, quân dụng.
- C. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng.
- D. Chú trọng xây dựng các công trình giao thông.

Câu 34. Ấn Độ trở thành một trong những cường quốc sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới nhờ thực hiện cuộc cách mạng nào?

- A. Cách mạng chất xám.
- B. Cách mạng xanh.
- C. Cách mạng trắng.
- D. Cách mạng công nghiệp.

Câu 35. Sự kiện nào được xem là mốc mở đầu cho phong trào đấu tranh giành độc lập ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Thắng lợi của phong trào cách mạng ở Tuynidi (1956).
- B. Cuộc binh biến của sĩ quan, binh lính yêu nước ở Ai Cập (1952).
- C. Cách mạng Libi bùng nổ (1952).
- D. Thắng lợi của phong trào cách mạng Angiêri (1962).

Câu 36. Đặc điểm cơ bản nhất của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện nay là gì?

- A. Diễn ra trên nhiều lĩnh vực với quy mô lớn với tốc độ nhanh.
- B. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
- C. Các phát minh kĩ thuật diễn ra với tốc độ nhanh chóng.
- D. Mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

Câu 37. Biểu hiện nào dưới đây phản ánh đúng xu thế toàn cầu hóa hiện nay?

- A. Sự chuyển biến về cơ cấu kinh tế các nước trên thế giới.
- B. Sự phát triển nhanh chóng của các quan hệ thương mại quốc tế.
- C. Sự tăng trưởng cao của các nền kinh tế.
- D. Sự phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất.

Câu 38. Nguồn gốc của cách mạng khoa học công nghệ thế kỉ XX là gì?

- A. Yêu cầu của việc cải tiến vũ khí ngày càng hiện đại.
- B. Do sự bùng nổ dân số trên thế giới.
- C. Do yêu cầu của cuộc sống con người.
- D. Nhằm đáp ứng nhu cầu về vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người.

Câu 39. Hai sự kiện nào sau đây xảy ra trong năm 1956 và có ý nghĩa quan trọng trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản?

- A. Thiết lập quan hệ ngoại giao với ASEAN và Liên minh châu Âu.
- B. Bình thường hóa quan hệ với Liên Xô và gia nhập Liên hợp quốc.
- C. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam và Trung Quốc.
- D. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Mĩ và Tây Âu.

Câu 40. Ý nào sau đây nói lên mặt tích cực của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại?

- A. Tạo ra những loại vũ khí mới, thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp quốc phòng.
- B. Làm thay đổi cơ bản các yếu tố của sản xuất, tạo ra bước nhảy vọt chưa từng thấy của lực lượng sản xuất và năng suất lao động.
- C. Tìm ra những nguồn năng lượng mới, vật liệu mới, công cụ sản xuất mới.
- D. Mở ra khả năng chinh phục vũ trụ của con người.

- HẾT -

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

(Đề kiểm tra gồm có 4 trang)

Họ và tên: Số báo danh:

Mã đề 223

Câu 1. Nhật Bản bắt đầu đặt quan hệ ngoại giao với các nước ASEAN vào thời gian nào?

- A. Năm 1977 B. Năm 1979 C. Năm 1976 D. Năm 1978

Câu 2. Mĩ đã làm gì để thực hiện “Chiến lược toàn cầu” trong những năm 1945 – 1973?

- A. Cùng với Anh, Pháp chiến đấu bảo vệ hệ thống thuộc địa cũ trên thế giới.
B. Phát động cuộc Chiến tranh lạnh với Liên Xô.
C. Hợp tác kinh tế với các nước tư bản đồng minh.
D. Tạo áp lực quân sự, buộc các nước tư bản sau chiến tranh phải phục tùng Mĩ.

Câu 3. Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở châu Phi được xếp vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc vì

- A. chế độ phân biệt chủng tộc do thực dân xây dựng và nuôi dưỡng.
B. chế độ phân biệt chủng tộc là một hình thái của chủ nghĩa thực dân.
C. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc có quan hệ mật thiết với chủ nghĩa thực dân.
D. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc là con đẻ của chủ nghĩa thực dân.

Câu 4. Nội dung nào phản ánh đúng tình hình Campuchia trong những năm 1954 – 1970?

- A. Là một thuộc địa kiểu mới của Mĩ. B. Là một nước lệ thuộc Pháp.
C. Là một nước trung lập. D. Là một nước lệ thuộc phương Tây.

Câu 5. Nội dung nào không phản ánh đúng những nhân tố thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế các nước Tây Âu trong những năm 1950 - 1973?

- A. Hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ Cộng đồng châu Âu.
B. Chi phí quốc phòng thấp (dưới 1% ngân sách quốc gia).
C. Áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật vào sản xuất.
D. Nhà nước quản lý và điều tiết có hiệu quả nền kinh tế.

Câu 6. Kết quả bao trùm mà nhóm 5 nước sáng lập ASEAN đạt được sau khi thực hiện chiến lược kinh tế hướng ngoại là gì?

- A. Bộ mặt kinh tế – xã hội có sự biến đổi to lớn.
B. Giải quyết tốt vấn đề tăng trưởng và công bằng xã hội.
C. Mậu dịch đối ngoại tăng trưởng rất nhanh.
D. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng với tốc độ nhanh.

Câu 7. Nội dung nào được coi là thời cơ lịch sử do xu thế toàn cầu hóa đem lại cho tất cả các quốc gia trên thế giới?

- A. Nguồn vốn đầu tư, kĩ thuật công nghệ và kinh nghiệm quản lí từ bên ngoài.
B. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính ở các khu vực.
C. Hòa bình, ổn định tạo nên sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.
D. Quá trình liên kết khu vực, hợp tác giữa các nước đang được đẩy mạnh.

Câu 8. Phong trào đấu tranh vũ trang ở Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã khiến

- A. chính quyền dân chủ tư sản ở nhiều nước bị lật đổ, các nhà nước vô sản được thiết lập.
B. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Apácthai bị xóa bỏ hoàn toàn.
C. hệ thống thuộc địa của thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha sụp đổ hoàn toàn.
D. chính quyền độc tài ở nhiều nước bị lật đổ, các chính phủ dân tộc dân chủ được thiết lập.

Câu 9. Sự kiện nào đánh dấu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi cơ bản bị tan rã?

- A. Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Angiêri thắng lợi (1962).
B. Chính quyền Nam Phi phải trao trả độc lập cho Namibia (1990).
C. Cuộc đấu tranh chống thực dân Bồ Đào Nha của nhân dân Ănggôla, Môdămbích giành thắng lợi (1975).

D. Nhân dân Nam Rôđêdia thành lập nước Cộng hòa Dimbabuê (1980).

Câu 10. Quá trình phát triển hợp tác khu vực của các nước Tây Âu có thể diễn đạt bằng sơ đồ nào dưới đây?

A. EU → EEC → EC.

B. EEC → EC → EU.

C. EEC → EU → EC.

D. EC → EEC → EU.

Câu 11. Hai sự kiện nào sau đây xảy ra trong năm 1956 và có ý nghĩa quan trọng trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản?

A. Bình thường hóa quan hệ với Liên Xô và gia nhập Liên hợp quốc.

B. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam và Trung Quốc.

C. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Mỹ và Tây Âu.

D. Thiết lập quan hệ ngoại giao với ASEAN và Liên minh châu Âu.

Câu 12. Từ 1973 đến nay, cuộc cách mạng nào được nâng lên vị trí hàng đầu?

A. Cách mạng công nghệ.

B. cách mạng xanh trong nông nghiệp.

C. Cách mạng công nghiệp.

D. cách mạng trắng trong nông nghiệp.

Câu 13. Ấn Độ trở thành một trong những cường quốc sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới nhờ thực hiện cuộc cách mạng nào?

A. Cách mạng công nghiệp.

B. Cách mạng trắng.

C. Cách mạng xanh.

D. Cách mạng chất xám.

Câu 14. Khi Nhật đầu hàng Đồng minh (1945), 3 quốc gia nào ở Đông Nam Á tuyên bố độc lập?

A. Miến Điện, Lào, Việt Nam.

B. Việt Nam, Philippine, Lào.

C. Indonesia, Việt Nam, Lào.

D. Philippine, Campuchia, Việt Nam.

Câu 15. Kinh tế của Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản giai đoạn 1973 – 1991 có điểm gì tương đồng?

A. Cùng tăng trưởng, phát triển “thần kì” và trở thành đối tượng với phe xã hội chủ nghĩa.

B. Bị suy thoái kéo dài do khủng hoảng năng lượng nhưng vẫn giữ các vị trí hàng đầu thế giới.

C. Tăng trưởng nhanh chóng, trở thành ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới tư bản.

D. Các nước bị Liên Xô, Trung Quốc và các nước công nghiệp mới vươn lên cạnh tranh gay gắt.

Câu 16. Sự kiện nào dưới đây đánh dấu sự khởi sắc của tổ chức ASEAN?

A. Mười nước cùng đứng trong một tổ chức thống nhất (4 - 1999).

B. Tuyên bố Băng Cốc (8 - 1967).

C. Hiệp định Pa-ri về Cam-pu-chia (10 - 1991)

D. Kí Hiệp ước thân thiện và hợp tác (2 - 1976).

Câu 17. Ý nào sau đây nói lên mặt tích cực của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại?

A. Làm thay đổi cơ bản các yếu tố của sản xuất, tạo ra bước nhảy vọt chưa từng thấy của lực lượng sản xuất và năng suất lao động.

B. Tạo ra những loại vũ khí mới, thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp quốc phòng.

C. Tìm ra những nguồn năng lượng mới, vật liệu mới, công cụ sản xuất mới.

D. Mở ra khả năng chinh phục vũ trụ của con người.

Câu 18. Chính sách đối ngoại chủ yếu của Tây Âu từ 1950 đến 1973 là gì?

A. Cố gắng đặt quan hệ với Nhật Bản.

B. Rút khỏi khối quân sự NATO.

C. Đa phương hóa trong quan hệ.

D. Liên minh hoàn toàn với Mỹ.

Câu 19. Điểm khác nhau về mục tiêu, nhiệm vụ giữa phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi với khu vực Mỹ Latinh là

A. chống lại bọn tay sai cho đế quốc, thực dân

B. chống lại bọn đế quốc, thực dân

C. chống lại các thế lực thân Mỹ

D. chống lại bọn đế quốc, thực dân và tay sai

Câu 20. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của Nhật Bản từ 1960 – 1969 là

A. 7,8%

B. 8,7%

C. 10,8%

D. 8,1%

Câu 21. Biến đổi có ý nghĩa lớn nhất đối với các dân tộc Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Nhiều nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, trở thành nước công nghiệp.

B. Thành lập và mở rộng liên minh khu vực – ASEAN.

C. Từ thân phân phận bị mất độc lập đã trở thành các quốc gia độc lập, tự chủ.

D. Việt Nam góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân kiểu cũ và kiểu mới.

Câu 22. Tính đến năm 2007, liên minh châu Âu (EU) bao gồm bao nhiêu nước thành viên?

A. 25 nước thành viên

B. 27 nước thành viên.

C. 28 nước thành viên.

D. 26 nước thành viên.

Câu 23. Đặc điểm cơ bản nhất của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện nay là gì?

A. Diễn ra trên nhiều lĩnh vực với quy mô lớn với tốc độ nhanh.

B. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

C. Mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

D. Các phát minh kĩ thuật diễn ra với tốc độ nhanh chóng.

Câu 24. Nguồn gốc của cách mạng khoa học công nghệ thế kỉ XX là gì?

A. Do yêu cầu của cuộc sống con người.

B. Nhằm đáp ứng nhu cầu về vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người.

C. Yêu cầu của việc cải tiến vũ khí ngày càng hiện đại.

D. Do sự bùng nổ dân số trên thế giới.

Câu 25. Tại sao từ năm 1973 đến năm 1991, nền kinh tế Tây Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng và suy thoái?

A. Tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới bắt đầu từ năm 1973.

B. Chịu tác động từ khủng hoảng của nước Mỹ và Nhật Bản.

C. Các nước Tây Âu mất hết thuộc địa ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh.

D. Bị bao vây bởi sự lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

Câu 26. Yếu tố nào không phải là nguyên nhân dẫn đến sự phát triển của kinh tế Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Vai trò của Nhà nước trong việc hoạch định chính sách và điều tiết nền kinh tế.

B. Áp dụng những thành tựu khoa học – kĩ thuật vào trong sản xuất.

C. Chính sách mới của Tổng thống Ruderford đã phát huy tác dụng trên thực tế.

D. Các tập đoàn tư bản lũng đoạn có sức sản xuất, cạnh tranh lớn.

Câu 27. Đâu là nguyên nhân khách quan đưa đến sự phục hồi kinh tế của Nhật Bản và Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Đầu tư phát triển khoa học kĩ thuật.

B. Đẩy mạnh khai thác, bóc lột thuộc địa.

C. Sự viện trợ của Mỹ.

D. Đầu tư phát triển con người.

Câu 28. Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi và khu vực Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai đều

A. xóa bỏ được chế độ phân biệt chủng tộc và “sân sau” của Mỹ.

B. nhận được sự ủng hộ, cổ vũ to lớn của Liên Xô và Trung Quốc.

C. trực tiếp góp phần giải trừ chủ nghĩa thực dân trên thế giới.

D. góp phần làm sụp đổ hệ thống tư bản chủ nghĩa trên thế giới.

Câu 29. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã khiến khu vực này được mệnh danh là gì?

A. “Lục địa thức tỉnh”.

B. “Lục địa bão táp”.

C. “Lục địa mới trời dậy”.

D. “Lục địa bùng cháy”.

Câu 30. Sự kiện nào được xem là mốc mở đầu cho phong trào đấu tranh giành độc lập ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Thắng lợi của phong trào cách mạng Angiêri (1962).

B. Cách mạng Libi bùng nổ (1952).

C. Thắng lợi của phong trào cách mạng ở Tuynidi (1956).

D. Cuộc binh biến của sĩ quan, binh lính yêu nước ở Ai Cập (1952).

Câu 31. Dấu hiệu nào chứng tỏ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ là trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới?

A. Kinh tế Mỹ chiếm gần 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.

B. Sản lượng công nghiệp chiếm gần 40% tổng sản lượng công nghiệp thế giới.

C. Sản lượng nông nghiệp bằng hai lần Anh, Pháp, Tây Đức, Nhật, Italia cộng lại.

D. Chiếm hơn 50% số lượng tàu bè đi lại trên mặt biển.

Câu 32. Biểu hiện nào dưới đây phản ánh đúng xu thế toàn cầu hóa hiện nay?

- A. Sự chuyển biến về cơ cấu kinh tế các nước trên thế giới.
- B. Sự tăng trưởng cao của các nền kinh tế.
- C. Sự phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất.
- D. Sự phát triển nhanh chóng của các quan hệ thương mại quốc tế.

Câu 33. Đặc điểm nổi bật trong quan hệ đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Không đưa quân đi tham chiến ở nước ngoài.
- B. Liên minh chặt chẽ với Mỹ.
- C. Cạnh tranh gay gắt với Mỹ và các nước Tây Âu.
- D. Phát triển kinh tế đối ngoại, xâm nhập và mở rộng phạm vi thế lực bằng kinh tế ở khắp mọi nơi, đặc biệt là Đông Nam Á.

Câu 34. Đây là điều kiện khách quan thuận lợi đối với cuộc đấu tranh giành độc lập các nước Đông Nam Á vào giữa tháng 8 – 1945?

- A. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh.
- B. Quân Đồng minh đánh thắng phát xít Đức.
- C. Quân Đồng minh tiến công mạnh mẽ vào các vị trí của quân đội Nhật.
- D. Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.

Câu 35. Ý nào sau đây không phải là tác động tiêu cực của toàn cầu hóa?

- A. Đưa lại sự tăng trưởng cao.
- B. Tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.
- C. Kém an toàn về kinh tế, tài chính, chính trị.
- D. Phân hóa giàu nghèo giữa các nước trên thế giới và trong xã hội.

Câu 36. Điểm tương đồng về nguyên nhân phát triển kinh tế Mỹ và Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Hợp tác có hiệu quả trong các tổ chức khu vực.
- B. Quân sự hoá nền kinh tế.
- C. Áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật vào trong sản xuất.
- D. Chi phí cho quốc phòng thấp.

Câu 37. Điểm khác biệt của Nhật Bản so với Mỹ trong phát triển khoa học – kĩ thuật?

- A. Coi trọng và đầu tư cho các phát minh.
- B. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng.
- C. Đầu tư bán quân trang, quân dụng.
- D. Chú trọng xây dựng các công trình giao thông.

Câu 38. Cơ sở quyết định để Mỹ triển khai chiến lược toàn cầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. sự suy yếu của các nước tư bản Tây Âu và sự lớn mạnh của Liên Xô.
- B. sự ủng hộ của các nước tư bản đồng minh đã bị Mỹ khống chế
- C. sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.
- D. tiềm lực kinh tế và quân sự của to lớn của Mỹ

Câu 39. Biểu hiện nào sau đây thể hiện giai đoạn từ 1991 đến năm 2000, khoa học – kĩ thuật của Mỹ vẫn tiếp tục phát triển?

- A. Đạt nhiều thành tựu trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ.
- B. Đi đầu trong các lĩnh vực chế tạo công cụ sản xuất mới.
- C. Ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi ngành kinh tế.
- D. Chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế của thế giới.

Câu 40. Tây Âu đã trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới từ khi nào?

- A. Thập niên 60 của thế kỉ XX.
- B. Thập niên 70 của thế kỉ XX.
- C. Thập niên 50 của thế kỉ XX.
- D. Thập niên 80 của thế kỉ XX.

- HẾT -

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

(Đề kiểm tra gồm có 4 trang)

Họ và tên: Số báo danh: **Mã đề 224**

Câu 1. Nguồn gốc của cách mạng khoa học công nghệ thế kỉ XX là gì?

- A. Do sự bùng nổ dân số trên thế giới.
- B. Yêu cầu của việc cải tiến vũ khí ngày càng hiện đại.
- C. Do yêu cầu của cuộc sống con người.
- D. Nhằm đáp ứng nhu cầu về vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người.

Câu 2. Biến đổi có ý nghĩa lớn nhất đối với các dân tộc Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Việt Nam góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân kiểu cũ và kiểu mới.
- B. Nhiều nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, trở thành nước công nghiệp.
- C. Từ thân phận phân bị mất độc lập đã trở thành các quốc gia độc lập, tự chủ.
- D. Thành lập và mở rộng liên minh khu vực – ASEAN.

Câu 3. Biểu hiện nào sau đây thể hiện giai đoạn từ 1991 đến năm 2000, khoa học – kĩ thuật của Mĩ vẫn tiếp tục phát triển?

- A. Đạt nhiều thành tựu trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ.
- B. Đi đầu trong các lĩnh vực chế tạo công cụ sản xuất mới.
- C. Ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi ngành kinh tế.
- D. Chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế của thế giới.

Câu 4. Nội dung nào không phản ánh đúng những nhân tố thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế các nước Tây Âu trong những năm 1950 - 1973?

- A. Chi phí quốc phòng thấp (dưới 1% ngân sách quốc gia).
- B. Hợp tác có hiệu quả trong khuôn khổ Cộng đồng châu Âu.
- C. Áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật vào sản xuất.
- D. Nhà nước quản lý và điều tiết có hiệu quả nền kinh tế.

Câu 5. Thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi và khu vực Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai đều

- A. góp phần làm sụp đổ hệ thống tư bản chủ nghĩa trên thế giới.
- B. nhận được sự ủng hộ, cổ vũ to lớn của Liên Xô và Trung Quốc.
- C. xóa bỏ được chế độ phân biệt chủng tộc và “sân sau” của Mĩ.
- D. trực tiếp góp phần giải trừ chủ nghĩa thực dân trên thế giới.

Câu 6. Mĩ đã làm gì để thực hiện “Chiến lược toàn cầu” trong những năm 1945 – 1973?

- A. Phát động cuộc Chiến tranh lạnh với Liên Xô.
- B. Tạo áp lực quân sự, buộc các nước tư bản sau chiến tranh phải phục tùng Mĩ.
- C. Cùng với Anh, Pháp chiến đấu bảo vệ hệ thống thuộc địa cũ trên thế giới.
- D. Hợp tác kinh tế với các nước tư bản đồng minh.

Câu 7. Hai sự kiện nào sau đây xảy ra trong năm 1956 và có ý nghĩa quan trọng trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản?

- A. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Mĩ và Tây Âu.
- B. Thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam và Trung Quốc.
- C. Thiết lập quan hệ ngoại giao với ASEAN và Liên minh châu Âu.
- D. Bình thường hóa quan hệ với Liên Xô và gia nhập Liên hợp quốc.

Câu 8. Biểu hiện nào dưới đây phản ánh đúng xu thế toàn cầu hóa hiện nay?

- A. Sự chuyển biến về cơ cấu kinh tế các nước trên thế giới.
- B. Sự phát triển nhanh chóng của các quan hệ thương mại quốc tế.
- C. Sự tăng trưởng cao của các nền kinh tế.
- D. Sự phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất.

- Câu 9. Phong trào đấu tranh vũ trang ở Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã khiến**
- A. hệ thống thuộc địa của thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha sụp đổ hoàn toàn.
 - B. chính quyền độc tài ở nhiều nước bị lật đổ, các chính phủ dân tộc dân chủ được thiết lập.
 - C. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Apácthai bị xóa bỏ hoàn toàn.
 - D. chính quyền dân chủ tư sản ở nhiều nước bị lật đổ, các nhà nước vô sản được thiết lập.
- Câu 10. Dấu hiệu nào chứng tỏ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ là trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới?**
- A. Chiếm hơn 50% số lượng tàu bè đi lại trên mặt biển.
 - B. Sản lượng công nghiệp chiếm gần 40% tổng sản lượng công nghiệp thế giới.
 - C. Kinh tế Mỹ chiếm gần 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới.
 - D. Sản lượng nông nghiệp bằng hai lần Anh, Pháp, Tây Đức, Nhật, Italia cộng lại.
- Câu 11. Khi Nhật đầu hàng Đồng minh (1945), 3 quốc gia nào ở Đông Nam Á tuyên bố độc lập?**
- A. Miến Điện, Lào, Việt Nam.
 - B. Philippine, Campuchia, Việt Nam.
 - C. Indonesia, Việt Nam, Lào.
 - D. Việt Nam, Philippine, Lào.
- Câu 12. Điểm khác nhau về mục tiêu, nhiệm vụ giữa phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi với khu vực Mỹ Latinh là**
- A. chống lại bọn tay sai cho đế quốc, thực dân.
 - B. chống lại các thế lực thân Mỹ.
 - C. chống lại bọn đế quốc, thực dân và tay sai.
 - D. chống lại bọn đế quốc, thực dân.
- Câu 13. Đây là nguyên nhân khách quan đưa đến sự phục hồi kinh tế của Nhật Bản và Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai?**
- A. Đẩy mạnh khai thác, bóc lột thuộc địa.
 - B. Đầu tư phát triển khoa học kỹ thuật.
 - C. Sự viện trợ của Mỹ.
 - D. Đầu tư phát triển con người.
- Câu 14. Chính sách đối ngoại chủ yếu của Tây Âu từ 1950 đến 1973 là gì?**
- A. Cố gắng đặt quan hệ với Nhật Bản.
 - B. Liên minh hoàn toàn với Mỹ.
 - C. Rút khỏi khối quân sự NATO.
 - D. Đa phương hóa trong quan hệ.
- Câu 15. Ý nào sau đây nói lên mặt tích cực của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện đại?**
- A. Mở ra khả năng chinh phục vũ trụ của con người.
 - B. Tạo ra những loại vũ khí mới, thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp quốc phòng.
 - C. Làm thay đổi cơ bản các yếu tố của sản xuất, tạo ra bước nhảy vọt chưa từng thấy của lực lượng sản xuất và năng suất lao động.
 - D. Tìm ra những nguồn năng lượng mới, vật liệu mới, công cụ sản xuất mới.
- Câu 16. Quá trình phát triển hợp tác khu vực của các nước Tây Âu có thể diễn đạt bằng sơ đồ nào dưới đây?**
- A. EEC → EU → EC.
 - B. EC → EEC → EU.
 - C. EEC → EC → EU.
 - D. EU → EEC → EC.
- Câu 17. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Mỹ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã khiến khu vực này được mệnh danh là gì?**
- A. “Lục địa mới trời dậy”.
 - B. “Lục địa bão táp”.
 - C. “Lục địa bùng cháy”.
 - D. “Lục địa thức tỉnh”.
- Câu 18. Tây Âu đã trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới từ khi nào?**
- A. Thập niên 70 của thế kỉ XX.
 - B. Thập niên 80 của thế kỉ XX.
 - C. Thập niên 60 của thế kỉ XX.
 - D. Thập niên 50 của thế kỉ XX.
- Câu 19. Đặc điểm nổi bật trong quan hệ đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?**
- A. Liên minh chặt chẽ với Mỹ.
 - B. Cạnh tranh gay gắt với Mỹ và các nước Tây Âu.
 - C. Phát triển kinh tế đối ngoại, xâm nhập và mở rộng phạm vi thế lực bằng kinh tế ở khắp mọi nơi, đặc biệt là Đông Nam Á.
 - D. Không đưa quân đi tham chiến ở nước ngoài.
- Câu 20. Sự kiện nào dưới đây đánh dấu sự khởi sắc của tổ chức ASEAN?**
- A. Tuyên bố Băng Cốc (8 - 1967).

- B. Kí Hiệp ước thân thiện và hợp tác (2 - 1976).
- C. Hiệp định Pa-ri về Cam-pu-chia (10 - 1991)
- D. Mười nước cùng đứng trong một tổ chức thống nhất (4 - 1999).

Câu 21. Đặc điểm cơ bản nhất của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện nay là gì?

- A. Các phát minh kĩ thuật diễn ra với tốc độ nhanh chóng.
- B. Diễn ra trên nhiều lĩnh vực với quy mô lớn với tốc độ nhanh.
- C. Khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
- D. Mọi phát minh kĩ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học.

Câu 22. Nội dung nào phản ánh đúng tình hình Campuchia trong những năm 1954 – 1970?

- A. Là một nước lệ thuộc Pháp.
- B. Là một nước trung lập.
- C. Là một thuộc địa kiểu mới của Mỹ.
- D. Là một nước lệ thuộc phương Tây.

Câu 23. Kết quả bao trùm mà nhóm 5 nước sáng lập ASEAN đạt được sau khi thực hiện chiến lược kinh tế hướng ngoại là gì?

- A. Giải quyết tốt vấn đề tăng trưởng và công bằng xã hội.
- B. Mậu dịch đối ngoại tăng trưởng rất nhanh.
- C. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng với tốc độ nhanh.
- D. Bộ mặt kinh tế – xã hội có sự biến đổi to lớn.

Câu 24. Kinh tế của Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản giai đoạn 1973 – 1991 có điểm gì tương đồng?

- A. Các nước bị Liên Xô, Trung Quốc và các nước công nghiệp mới vươn lên cạnh tranh gay gắt.
- B. Tăng trưởng nhanh chóng, trở thành ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới tư bản.
- C. Bị suy thoái kéo dài do khủng hoảng năng lượng nhưng vẫn giữ các vị trí hàng đầu thế giới.
- D. Cùng tăng trưởng, phát triển “thần kì” và trở thành đối tượng với phe xã hội chủ nghĩa.

Câu 25. Ấn Độ trở thành một trong những cường quốc sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới nhờ thực hiện cuộc cách mạng nào?

- A. Cách mạng xanh.
- B. Cách mạng công nghiệp.
- C. Cách mạng trắng.
- D. Cách mạng chất xám.

Câu 26. Ý nào sau đây không phải là tác động tiêu cực của toàn cầu hóa?

- A. Tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.
- B. Kém an toàn về kinh tế, tài chính, chính trị.
- C. Đưa lại sự tăng trưởng cao.
- D. Phân hóa giàu nghèo giữa các nước trên thế giới và trong xã hội.

Câu 27. Đây là điều kiện khách quan thuận lợi đối với cuộc đấu tranh giành độc lập các nước Đông Nam Á vào giữa tháng 8 – 1945?

- A. Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc.
- B. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh.
- C. Quân Đồng minh đánh thắng phát xít Đức.
- D. Quân Đồng minh tiến công mạnh mẽ vào các vị trí của quân đội Nhật.

Câu 28. Điểm khác biệt của Nhật Bản so với Mỹ trong phát triển khoa học – kĩ thuật?

- A. Đầu tư bán quân trang, quân dụng.
- B. Chú trọng xây dựng các công trình giao thông.
- C. Đi sâu vào các ngành công nghiệp dân dụng.
- D. Coi trọng và đầu tư cho các phát minh.

Câu 29. Điểm tương đồng về nguyên nhân phát triển kinh tế Mỹ và Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Chi phí cho quốc phòng thấp.
- B. Hợp tác có hiệu quả trong các tổ chức khu vực.
- C. Áp dụng thành tựu khoa học – kĩ thuật vào trong sản xuất.
- D. Quân sự hoá nền kinh tế.

Câu 30. Yếu tố nào không phải là nguyên nhân dẫn đến sự phát triển của kinh tế Mỹ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Áp dụng những thành tựu khoa học – kĩ thuật vào trong sản xuất.
- B. Các tập đoàn tư bản lũng đoạn có sức sản xuất, cạnh tranh lớn.

C. Vai trò của Nhà nước trong việc hoạch định chính sách và điều tiết nền kinh tế.

D. Chính sách mới của Tổng thống Rudoven đã phát huy tác dụng trên thực tế.

Câu 31. Sự kiện nào được xem là mốc mở đầu cho phong trào đấu tranh giành độc lập ở châu Phi sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Cuộc binh biến của sĩ quan, binh lính yêu nước ở Ai Cập (1952).

B. Thắng lợi của phong trào cách mạng Angiêri (1962).

C. Thắng lợi của phong trào cách mạng ở Tuynidi (1956).

D. Cách mạng Libi bùng nổ (1952).

Câu 32. Tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm của Nhật Bản từ 1960 – 1969 là

A. 10,8%

B. 7,8%

C. 8,1%

D. 8,7%

Câu 33. Cơ sở quyết định để Mỹ triển khai chiến lược toàn cầu sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

A. sự ủng hộ của các nước tư bản đồng minh đã bị Mỹ khống chế

B. sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

C. sự suy yếu của các nước tư bản Tây Âu và sự lớn mạnh của Liên Xô.

D. tiềm lực kinh tế và quân sự của to lớn của Mỹ

Câu 34. Nội dung nào được coi là thời cơ lịch sử do xu thế toàn cầu hóa đem lại cho tất cả các quốc gia trên thế giới?

A. Quá trình liên kết khu vực, hợp tác giữa các nước đang được đẩy mạnh.

B. Nguồn vốn đầu tư, kỹ thuật công nghệ và kinh nghiệm quản lý từ bên ngoài.

C. Hòa bình, ổn định tạo nên sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

D. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính ở các khu vực.

Câu 35. Tại sao từ năm 1973 đến năm 1991, nền kinh tế Tây Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng và suy thoái?

A. Tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới bắt đầu từ năm 1973.

B. Chịu tác động từ khủng hoảng của nước Mỹ và Nhật Bản.

C. Bị bao vây bởi sự lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

D. Các nước Tây Âu mất hết thuộc địa ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh.

Câu 36. Tính đến năm 2007, liên minh châu Âu (EU) bao gồm bao nhiêu nước thành viên?

A. 28 nước thành viên.

B. 27 nước thành viên.

C. 26 nước thành viên.

D. 25 nước thành viên

Câu 37. Từ 1973 đến nay, cuộc cách mạng nào được nâng lên vị trí hàng đầu?

A. cách mạng xanh trong nông nghiệp.

B. Cách mạng công nghiệp.

C. Cách mạng công nghệ.

D. cách mạng trắng trong nông nghiệp.

Câu 38. Nhật Bản bắt đầu đặt quan hệ ngoại giao với các nước ASEAN vào thời gian nào?

A. Năm 1979

B. Năm 1978

C. Năm 1976

D. Năm 1977

Câu 39. Cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở châu Phi được xếp vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc vì

A. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc là con đẻ của chủ nghĩa thực dân.

B. chế độ phân biệt chủng tộc là một hình thái của chủ nghĩa thực dân.

C. chế độ phân biệt chủng tộc do thực dân xây dựng và nuôi dưỡng.

D. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc có quan hệ mật thiết với chủ nghĩa thực dân.

Câu 40. Sự kiện nào đánh dấu hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi cơ bản bị tan rã?

A. Cuộc đấu tranh chống thực dân Bồ Đào Nha của nhân dân Ănggôla, Môđambích giành thắng lợi (1975).

B. Nhân dân Nam Rôđêdia thành lập nước Cộng hòa Dimbabuê (1980).

C. Chính quyền Nam Phi phải trao trả độc lập cho Namibia (1990).

D. Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Angiêri thắng lợi (1962).

- HẾT -

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

ĐÁP ÁN KIỂM TRA CUỐI KÌ I – NĂM HỌC: 2023 – 2024**MÔN: LỊCH SỬ 12 – BAN KHOA HỌC XÃ HỘI****BỘ ĐỀ 1**

Đề\câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
221	A	D	A	B	A	B	B	C	A	D	B	C	A	A	D	A	A	D	B	B
222	B	A	C	A	B	C	D	A	D	A	B	C	B	A	B	A	A	C	D	B
223	A	B	B	C	B	A	A	D	C	B	A	A	D	C	B	D	A	C	D	C
224	D	C	D	A	D	A	D	B	B	C	C	C	C	D	C	C	C	A	A	B
Đề\câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
221	A	C	D	B	A	A	B	B	B	C	B	B	A	D	D	A	B	D	C	A
222	B	C	D	B	D	D	D	B	A	D	B	B	C	A	B	B	B	D	B	B
223	C	B	B	B	A	C	C	C	D	D	A	D	B	A	A	C	B	D	D	B
224	C	B	D	C	D	C	B	C	C	D	A	A	D	B	A	B	C	D	B	A

Họ và tên: Số báo danh:

Mã đề 229 –
HÒA NHẬP

Câu 1. Tổng thống nào của Mỹ đã phát động Chiến tranh lạnh?

- A. Aixenhao B. Kennodi C. Truman D. Nichxon

Câu 2. Nguồn gốc của cách mạng khoa học công nghệ thế kỉ XX là gì?

- A. Do sự bùng nổ dân số trên thế giới.
B. Yêu cầu của việc cải tiến vũ khí ngày càng hiện đại.
C. Nhằm đáp ứng nhu cầu về vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người.
D. Do yêu cầu của cuộc sống con người.

Câu 3. Nét nổi bật của tình hình kinh tế Tây Âu từ năm 1991 đến năm 2000 là gì?

- A. Phát triển nhanh chóng và trở thành trung tâm kinh tế – tài chính của thế giới.
B. Trải qua một cơn suy thoái ngắn, sau đó phục hồi và phát triển trở lại.
C. Bước đầu phục hồi và phát triển nhờ chính sách viện trợ của Mỹ.
D. Lậm vào tình trạng khủng hoảng, suy thoái kéo dài.

Câu 4. Từ những năm 80 của thế kỉ XX, Nhật Bản đã vươn lên thành siêu cường số một thế giới về

- A. công nghiệp. B. tài chính. C. quân sự. D. kinh tế.

Câu 5. Từ năm 1950 đến 1973, bên cạnh việc cố gắng đa dạng hóa, đa phương hóa, các nước tư bản Tây Âu vẫn tiếp tục chủ trương

- A. mở rộng hợp tác với các nước Đông Bắc Á. B. liên minh chặt chẽ với Mỹ.
C. hợp tác với Liên Xô. D. liên minh với các nước Đông Âu.

Câu 6. Biểu hiện nào dưới đây phản ánh đúng xu thế toàn cầu hóa hiện nay?

- A. Sự chuyển biến về cơ cấu kinh tế các nước trên thế giới.
B. Sự phát triển nhanh chóng của các quan hệ thương mại quốc tế.
C. Sự tăng trưởng cao của các nền kinh tế.
D. Sự phát triển và xã hội hóa lực lượng sản xuất.

Câu 7. Cuộc “cách mạng xanh” diễn ra trong lĩnh vực

- A. công nghiệp. B. nông nghiệp.
C. công nghệ thông tin. D. giao thông vận tải.

Câu 8. Nước nào dưới đây tuyên bố độc lập và thành lập chế độ cộng hòa sớm nhất ở Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Indonesia. B. Việt Nam C. Malaysia. D. Miến Điện.

Câu 9. Kẻ thù chủ yếu trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của người dân da đen ở Nam Phi là ai?

- A. Chủ nghĩa thực dân mới. B. Chính quyền độc tài thân Mỹ.
C. Chủ nghĩa thực dân cũ. D. Chế độ phân biệt chủng tộc Apácthai.

Câu 10. Cách mạng khoa học – công nghệ bắt đầu từ khi nào?

- A. Những năm 60 của thế kỉ XX. B. Những năm 40 của thế kỉ XX.
C. Những năm 70 của thế kỉ XX. D. Những năm 50 của thế kỉ XX.

Câu 11. Để hội nhập với xu thế toàn cầu hóa hiện nay, các quốc gia đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển lĩnh vực gì?

- A. Chính trị. B. Văn hóa. C. Kinh tế. D. Quốc phòng.

Câu 12. Nội dung nào sau đây thể hiện điểm chung của Ấn Độ và các nước Đông Nam Á trong nửa sau thế kỉ XX?

- A. Tập trung phát triển kinh tế.
- B. Bị các nước đế quốc trở lại tái chiếm.
- C. Giành được độc lập.
- D. Các nước thực dân tiến hành khai thác thuộc địa.

Câu 13. Vì sao năm 1960 được lịch sử ghi nhận là “Năm châu Phi”?

- A. Đây là năm có 27 nước Tây và Nam Phi giành được độc lập.
- B. Đây là năm có 17 nước ở châu Phi giành được độc lập.
- C. Đây là năm có 17 nước ở châu Phi giành được quyền tự trị.
- D. Đây là năm có 37 nước ở châu Phi giành được độc lập.

Câu 14. Đặc điểm nào sau đây không phản ánh đúng tình hình nước Mĩ 20 năm đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Trở thành trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất của thế giới.
- B. Nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng.
- C. Kinh tế Mĩ vượt xa Tây Âu và Nhật Bản.
- D. Kinh tế Mĩ chịu sự cạnh tranh của Tây Âu và Nhật Bản.

Câu 15. Ấn Độ đã tự túc được lương thực và trở thành nước xuất khẩu gạo thứ ba trên thế giới (1995) nhờ tiến hành cuộc cách mạng nào?

- A. Cách mạng xanh.
- B. Cách mạng chất xám.
- C. Công nghiệp hóa.
- D. Cách mạng trắng.

Câu 16. Cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân Campuchia diễn ra trong khoảng thời gian nào?

- A. 1954 – 1979.
- B. 1954 – 1970.
- C. 1954 – 1975.
- D. 1970 – 1975.

Câu 17. Hình ảnh “Lục địa bùng cháy” chỉ hiện tượng gì ở Mĩ Latinh?

- A. Một loạt nước Mĩ Latinh giành được độc lập.
- B. Sự bùng nổ của phong trào bãi công của công nhân Mĩ Latinh.
- C. Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào đấu tranh vũ trang ở Mĩ Latinh.
- D. Cuộc nổi dậy của nông dân đòi ruộng đất ở nhiều nước Mĩ Latinh.

Câu 18. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, sự kiện nào đánh dấu bước phát triển của phong trào đấu tranh giành độc lập ở các nước Đông Nam Á?

- A. Phong trào đấu tranh giành độc lập của các nước Đông Nam Á dâng cao mạnh mẽ.
- B. Các nước Đông Nam Á thành lập nền chuyên chính vô sản.
- C. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
- D. Nhân dân các nước Đông Nam Á nổi dậy giành chính quyền, tuyên bố độc lập.

Câu 19. Nguyên nhân chính nào sau đây khiến kinh tế Mĩ lâm vào khủng hoảng và suy thoái trong những năm 1973 – 1982?

- A. Tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới 1973.
- B. Tăng cường chạy đua vũ trang với Liên Xô.
- C. Khủng hoảng tiền tệ trong hệ thống chủ nghĩa tư bản.
- D. Chi phí nhiều cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Câu 20. Liên minh châu Âu (EU) là tổ chức liên kết trên lĩnh vực

- A. kinh tế – văn hóa.
- B. chính trị – kinh tế.
- C. chính trị – quân sự.
- D. quân sự – kinh tế.

Câu 21. Điểm cốt lõi của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại từ giữa những năm 70 đến nay là gì?

- A. Cách mạng phần mềm.
- B. Cách mạng công nghiệp.

C. Cách mạng công nghệ.

D. Cách mạng kỹ thuật.

Câu 22. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại đâu?

A. Tại Băng Cốc (Thái Lan).

B. Tại Gia-cac-ta (Indonesia).

C. Tại Ba-li (Indonesia).

D. Tại Singapore.

Câu 23. Ý nào sau đây nói lên mặt tích cực của cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện đại?

A. Tạo ra những loại vũ khí mới, thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp quốc phòng.

B. Làm thay đổi cơ bản các yếu tố của sản xuất, tạo ra bước nhảy vọt chưa từng thấy của lực lượng sản xuất và năng suất lao động.

C. Tìm ra những nguồn năng lượng mới, vật liệu mới, công cụ sản xuất mới.

D. Mở ra khả năng chinh phục vũ trụ của con người.

Câu 24. Đồng tiền chung châu Âu (EURO) chính thức được đưa vào sử dụng ở nhiều nước EU từ khi nào?

A. Năm 2002

B. Năm 1999

C. Năm 2001

D. Năm 2000

Câu 25. Liên minh châu Âu (EU) ra đời không chỉ nhằm hợp tác liên minh giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn hợp tác

A. cả trong lĩnh vực đối ngoại và an ninh chung.

B. cả trong lĩnh vực chính trị và an ninh chung.

C. cả trong lĩnh vực chính trị và đối ngoại.

D. cả trong lĩnh vực chính trị, đối ngoại và an ninh chung.

Câu 26. Kinh tế Nhật Bản phát triển “thần kì” trong giai đoạn nào?

A. Từ năm 1973 đến năm 1991.

B. Từ năm 1960 đến năm 1973.

C. Từ năm 1952 đến năm 1960.

D. Từ năm 1991 đến năm 2000.

Câu 27. Mĩ đã làm gì để thực hiện Chiến lược toàn cầu trong những năm 1945 – 1973?

A. Hợp tác kinh tế với các nước tư bản đồng minh.

B. Tạo áp lực quân sự, buộc các nước tư bản sau chiến tranh phải phục tùng Mĩ.

C. Phát động cuộc Chiến tranh lạnh với Liên Xô.

D. Cùng với Anh, Pháp chiến đấu bảo vệ hệ thống thuộc địa cũ trên thế giới.

Câu 28. Nhân dân Lào tiến hành cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước (1955 – 1975) dưới sự lãnh đạo của Đảng nào?

A. Đảng Dân chủ Nhân dân Lào.

B. Đảng Cộng sản Lào.

C. Đảng Nhân dân Lào.

D. Đảng Cộng sản Đông Dương.

Câu 29. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, để thực hiện âm mưu bá chủ thế giới, Mĩ đã triển khai chiến lược nào dưới đây?

A. Chiến lược toàn cầu.

B. Chiến lược đa phương hóa.

C. Chiến lược công nghiệp hóa.

D. Chiến lược toàn cầu hóa.

Câu 30. Khoa học – kỹ thuật của Nhật Bản chủ yếu tập trung vào lĩnh vực nào?

A. Công nghiệp xây dựng.

B. Công nghiệp hàng không vũ trụ.

C. Công nghiệp dân dụng.

D. Công nghiệp phần mềm.

Câu 31. Sau khi giành được độc lập, nhóm các nước sáng lập ASEAN thực hiện chiến lược kinh tế nào sau đây?

A. Chiến lược kinh tế hướng nội.

B. Chiến lược toàn cầu.

C. Chiến lược kinh tế hướng ngoại.

D. Chiến lược cam kết và mở rộng.

Câu 32. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, lực lượng quân đội nước nào chiếm đóng Nhật Bản dưới danh nghĩa lực lượng Đồng minh?

A. Pháp.

B. Anh.

C. Liên Xô.

D. Mĩ.

Câu 33. Từ những thập niên đầu của thế kỷ XX, các nước Mĩ Latinh rơi vào vòng lệ thuộc của thực dân/đế quốc nào?

- A. Đế quốc Nhật. B. Đế quốc Mỹ. C. Thực dân Pháp. D. Thực dân Anh.

Câu 34. Chiêu bài mà Mỹ sử dụng để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác được đề ra trong chiến lược “Cam kết và mở rộng” là gì?

- A. Ủng hộ độc lập dân tộc. B. Thúc đẩy dân chủ.
C. Tự do tín ngưỡng. D. Chống chủ nghĩa khủng bố.

Câu 35. Tại sao từ năm 1973 đến năm 1991, nền kinh tế Tây Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng và suy thoái?

- A. Các nước Tây Âu mất hết thuộc địa ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh.
B. Chịu tác động từ khủng hoảng của nước Mỹ và Nhật Bản.
C. Tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới bắt đầu từ năm 1973.
D. Bị bao vây bởi sự lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

Câu 36. Tổng thống người da đen đầu tiên của nước Cộng hòa Nam Phi là ai?

- A. Catada. B. Nenxơn Măndêla. C. Phiđen Cátxtorô. D. Nenxơn Căcxô.

Câu 37. Đặc điểm nổi bật trong quan hệ đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Cạnh tranh gay gắt với Mỹ và các nước Tây Âu.
B. Phát triển kinh tế đối ngoại, xâm nhập và mở rộng phạm vi thế lực bằng kinh tế ở khắp mọi nơi, đặc biệt là Đông Nam Á.
C. Liên minh chặt chẽ với Mỹ.
D. Không đưa quân đi tham chiến ở nước ngoài.

Câu 38. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc ở Châu Phi nở rộ sớm nhất ở đâu?

- A. Trung Phi B. Nam Phi C. Tây Phi D. Bắc Phi

Câu 39. Phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi có gì khác so với Mỹ Latinh về hình thức đấu tranh?

- A. Đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang.
B. Đấu tranh vũ trang.
C. Đấu tranh chính trị.
D. Đấu tranh vũ trang kết hợp với chính trị.

Câu 40. Nguyên nhân cơ bản nhất đưa nền kinh tế Nhật Bản phát triển “thần kỳ” trong những năm 60 – 70 của thế kỷ XX là

- A. biết “lén lách” xâm nhập thị trường các nước đang phát triển.
B. nhờ những cải cách dân chủ đã thực hiện trong những năm 1945 – 1952.
C. biết áp dụng khoa học – kỹ thuật để tăng năng suất, cải tiến kỹ thuật và hạ giá thành hàng hóa.
D. biết lợi dụng vốn của nước ngoài để đầu tư vào những ngành công nghiệp then chốt.

- HẾT -

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

ĐÁP ÁN KIỂM TRA CUỐI KÌ I – NĂM HỌC: 2023 – 2024

MÔN: LỊCH SỬ 12

MÃ ĐỀ 229 – Dành cho HS hòa nhập

CÂU	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐÁP ÁN	C	C	B	B	B	B	B	A	D	B	C	C	B	D	A	D	C	D	A	B
CÂU	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
ĐÁP ÁN	C	A	B	A	D	B	C	C	A	C	A	D	B	B	C	B	C	D	C	C